

SỐ 1779

DUY-MA KINH LƯỢC SỚ THÙY DỤ KÝ

Hán dịch: Tiền Đường, Sa-môn Thích Trí Viên thuật.

QUYỂN 6

Nói dụng của ăn. Ngài Kinh Khê nói: “Dùng một bữa ăn mà thí cho tất cả..., nghĩa tuy nhân chung, đây căn cứ quả nhân thường dùng cơm là để chê trách ngài Ca-diếp. Vì không có công năng này nên dẫn thẳng tích để làm lệ thành thực. Nếu luận ý ấy thì tuy ở quả, mà dụng quả là do nhân. Nghiệm thì biết. Việc làm trước của ngài Ca-diếp cũng thiên lệch, nhân quả đều lỗi. Thế nên bị chê trách. Nương vào bất tư nghì đến song du hai đế là do được trung. Cho nên công năng cũ song chiếu thế và xuất thế. Thế tức là dùng thức ăn chốn nhân gian ướ độ mà bố thí. Xuất thế tức chỉ các trần ngoại giới như lệ theo Hương tích, tức là trung đạo.

Tiếp giải thích lại, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, Giải thích thể của ăn, a, Căn cứ lý. b, Căn cứ sự. Hỏi: Trước nêu thể của ăn trước sự sau lý. Ngài Kinh Khê nói: Trong phần giải thích thể trước có hai: a, Sự. b, Lý. Nay nói tức số văn trước căn cứ sự lý tà chánh mà giải thích. Đối kinh văn nay trước là lý sau sự mà lập. Giải thích chung sự lý. Giải thích về dụng của ăn. Bồ-tát tạo nhân thực vô thượng. Ngài Kinh Khê nói: Người Viên môn phát tâm, quán ăn hoặc nhận hoặc thí. Pháp giới bình đẳng mới kham làm nhân ăn tất cả, nên nói vô thượng. Đây mới chánh đáng lấy Viên trách Tiểu mà chê trách Ca-diếp. Cho nên phạm nhân thí hay nhận được lợi ích lớn thì kia đây đều tổn ích.

Nghĩa là đến nhà nghèo thì kia đây đều lợi ích, còn đến nhà giàu thì kia đây đều tổn. Tâm kia đã khinh thì đây lại bỏ nghiệp, cho nên đều tổn. Không bị tổn lại tổn, ngài Kinh Khê nói: “Quẻ tổn trong Kinh Dịch nói tổn rồi lại tổn. Cho đến không tổn. Nay dẫn ý là không chấp thì không tổn, chỉ tạm mượn tiếng lại tổn mà nói. Tổn về phiên nào thì được hữu dư. Lại tổn sinh tử thì nhập vô dư. Bồ-tát không thể. Cho nên không làm lộ.

Tiếp kết khuyến. Bất liễu nghĩa..., ngài Kinh Khê nói: Chuẩn theo ý này, nếu lấy một đời năm thời so nhau thì chỉ có kinh Pháp Hoa được tên là liễu. Cho nên Thanh văn được là tiệt. Nếu đương bộ mà luận các người Đại thừa thì đều có liễu phần nhưng có gồm đời. Kính chào, ngài Kinh Khê nói: Kinh nói đây có danh gia. Tư là đây, là nói người tại gia. Kinh nói ta từ đó đến ... là thẹn tiểu vậy. Cho nên biết, lúc ấy tuy mển mà không thể nhận lấy. Lúc ấy tuy thẹn mà không thể bỏ. Cho nên chỉ ngậm giúp mà không thể hiển ích. Dùng thẳng chê trách thì cũng được tên hiển. So ý chê trách nên gọi là mật. Cuối cùng là kết thành không kham.

- Sai Tu-bồ-đề:

Có hai: a, Phân khoa nêu ý. b, “Từ tu ...” là tùy văn giải nghĩa, Sai thăm bệnh. Thấy Không mà được đạo, ngài Kinh Khê nói: “Tức là môn Không giải thoát vì nương vào Không môn mà được giải thoát. b’, Chối từ không kham, Phân khoa. Tùy giải thích, Chánh từ chối không kham. Nêu lý do không kham: Không dám liếc nhìn cửa nhà ấy. Khuy là liếc nhìn qua. Trong văn viết là nhìn (thị) là lằm. Ngài Kinh Khê nói: “Không dám liếc nhìn qua cửa ấy. Song mười đức có năm trăm lẻ bốn, lớn nhất có đến tám ngàn há đều không tới nhà ông ấy ư? Đây là muốn hiển bày việc ngài Thiện Cát trì Không nên bảo là rất thương tâm mà nói. Kẻ còn hữu ... đây là thuật việc ngài Thiện Cát để nói tất cả người Tiểu thừa và các Bồ-tát đều làm những kẻ còn hữu thì ắt không đến gần cửa nhà ông ấy. Ta đã giải Không, tới thẳng nhà ông ấy nào có sợ gì.

Tiếp nói việc không kham, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, Giữ lấy bát đầy cơm. Ngài Kinh Khê nói: Nếu biểu thị lý, thì giả biểu thị cho số đông. Vả lại nêu một dấu vết để trách chung. Dùng cơm diêu hữu mà điếm bát không, lại khiến biết không tức chẳng Không. Nếu thế thì lúc đó cần ở chẳng Không lại được chẳng Không ư? Đáp: Đây tức là tìm cầu, đây tức là có được. Vì sao? Vì tâm tướng thể tín mà nhập xuất không khó khăn. Nhân nghe đại giáo tức ở đương cơ cũng gọi ngậm cầu, cũng gọi ngậm được. Song việc ngậm lợi ích thì biểu thị còn chuộng

không, thế nên ở nhà thì tâm vẫn trụ ở tiểu. Chánh kể việc chê trách, có hai: a”, Phân khoa nêu trước, và phân khoa định giáo. “Sở dĩ ...” là nêu trước ý nghĩa: Phục đồng ma ngoại. Thỏa là phục. Ngài Kinh Khê nói: Song ngài Thiện Cát và Ca-diếp nhân khát thực mà không xứng hợp thượng điền, căn cứ ở người bị chê trách có hai biên, thì mỗi người một khác và đều có chỗ quy về. Nhưng ngài Ca-diếp thì theo nghèo nên tâm có thấp kém. Còn ngài Thiện Cát tự ý mình giải không hơn người khác, huống lại chính mình đến nhà ông ấy đáng vẻ khinh khỉnh không chịu giữ ý để tùy nghi dùng bị kính hai thứ mà thu phục. Việc của hai vị này tuy khác nhưng ở lý thì rất đồng. Vì sao, vì nếu kham được kính điền thì mới có thể lấy ăn. Đây đồng với tâm đạo diệt của ngài Ca-diếp, không tự bảo là chân điền mà sinh hiểu lầm. Tâm ngài đã lánh vào xóm đông ắt không phải cốt ở ăn... đồng với ngài Ca-diếp ở chỗ không pháp chánh thực, nên bị chê trách đồng bị điền. Cũng là chê trách ngài chỉ có khổ tập. Bồ-tát thường hiện thân ở năm đạo nghe đồng với bị điền tình còn chưa thỏa mãn. Như cùng đồng dòng với bọn ngoại đạo thiên ma mà muốn tự cho mình là bậc khát sĩ vô thượng. Khát sĩ cần là phước điền cho chúng sinh. Việc ấy không trọn thì phước điền ở đâu? Vốn “không” hiểu bị kính thì lý tánh bình đẳng, nên nghe lời chê trách này thì để bát mà hoang mang. Lại giống Ca-diếp bị chê trách mà tự thẹn, cả hai người việc lấy bỏ có lỗi giống nhau, nên cả hai đều bị chê trách về bốn đế. Do đó cùng Ca-diếp ý chỉ tóm tắt đồng nhau. Ngoài khát thực ra tùy việc có khác. “ Trước hỏi ...” là tùy văn giải nghĩa, Trước căn cứ kính điền mà hỏi, Hỏi biết Thánh pháp chẳng; gồm nêu chung phân chương, ngài Kinh Khê nói: Vì pháp có thể thành người, tức nếu hiểu pháp đâu cần phải hỏi người. Sau lại hỏi người là do mê muội pháp, y chương giải nghĩa, căn cứ sự. Ngài Kinh Khê nói: Trong sự lại nói đối với pháp bình đẳng thì đối với ăn cũng bình đẳng. Trong sự mà ăn thì có nhà nghèo nhà giàu và thức ăn. Pháp trong sự thì đối với nhà với ăn đều có tâm bi trí. Cả ăn và pháp hỗ tương nhau, mất một đều hỏng. Cho nên biết. Đối với ăn mà khởi bình đẳng, tức đối với ăn phải có tâm bất nhị. Nghiệm thì biết. Ngài Thiện Cát hai thứ đều thiếu, thì làm sao thành được hạnh tịnh độ. Đối với ăn đã thế, đối các pháp cũng vậy. “Lại nữa ...” là lại căn cứ hai môn. Căn cứ ăn đối với pháp mà chê trách sự thiên lệch, cho nên ở pháp và ăn có sự bất bình đẳng. Cho nên biết ngài Thiện Cát đối với khát thực có lỗi. Bồ-tát không thế, là bày đại mà chê Không và Có. Không và Có đều là một pháp giới, cho nên đều có thể phá và không thể phá. Không thể phá là lập tất cả pháp, đều có thể phá là phá tất cả

pháp. Khấp phá khấp lập đầu được xem đó là đồng với Thiện Cát ư? Ngài Thiện Cát lệch lấy Không mà phá tất cả. Phá tức là không phải khấp mà chỉ lập ở không. Lập cũng chẳng khấp vì có năng có sở có đối đãi. Cho nên khát thực đã hỏng, tự tha không thành. Nay người Đại thừa lấy Không và Có làm lời đầu mối mà phá lập khấp tất cả pháp. Từ “nếu hay cho...” đối với ăn không tranh cãi) là phá ngài Thiện Cát Không chẳng thành Không. Nay phá vô tránh ngược lại là hữu tránh. Giàu nghèo đã quá khác thì tránh đầu thoát khỏi việc này, vì chẳng thể như Bồ-tát. Nếu là bậc Khất sĩ chí chân trái với Thiện Cát tức phải giống như điều ngài Tịnh Danh nói. Căn cứ lý, ngài Kinh Khê nói: Dựa vào hạnh lập quán, vẫn gọi là sự. Nay đây chỉ luận về khát thực pháp giới. Văn có hai: a, Dẫn văn chánh bày. Đại phẩm... không phải thú, đối ba đế có thể hiểu. b, “Lại các ...” là khấp trải các khoa, vừa căn cứ vị để nói lý. Đối năm ấm chỉ là sắc ấm, ở mười hai nhập chỉ ở vị nhập, ở mười tám giới cũng chỉ ở vị giới, cho nên được khấp trải ba khoa. Đến chủng trí thì một tâm khấp thấu đều tức ba đế, ngoài tâm không cảnh, chỉ luận giàu nghèo. Sát-na ba tướng là sinh, trụ, diệt, dị đồng ở diệt nên chỉ nói là ba. Ngài Kinh Khê nói: Nay mượn ba tướng mà dụ cho ba đế đồng thời. Ba đế bèn gọi pháp lý bình đẳng. “Lại đối ...” là căn cứ làm kính điện. Thường như thế mà biết, là biết Thánh pháp. Biết chỉ là chiếu, Thánh pháp tức ba đế. Lấy một tâm ba quán mà chiếu một tâm ba đế. Cho nên biết Thánh pháp thì có các biết về giả danh quán hành, tương tự phần chân... đều là kính điện. “Đã không ...” là đã mê tự tánh, đây thật đáng thương xót tức là bi điện. Từ “đây ...” phần nhiều là quán tâm, là một nhà chương số lập giải về quán tâm gồm có hai ý:

1. Người chưa tu quán không có lỗi đối văn trệ sự, thì biết là ý nương giải mà khởi hạnh.

2. Người đã tu quán, là tùy nghe một câu, nhiếp sự thành lý, không quên tập xưa.

Nay tuy nêu văn phần nhiều ước quán đế thì ngăn trệ đóng kín há sinh, lại thuận theo tập xưa đầu đợi làm quán tâm mà giải thích ư? Nên biết người mới học tìm đọc chỉ biết sơ lược ý chỉ; muốn tu tập thì phải nương chỉ quán mười cảnh mười thừa mới có chỗ đến. Nếu cố chấp các văn thì việc tu chứng đã mờ tối mà đại ý một nhà bị phá hỏng xin tự lượng tâm đầu cần phải rêu rao. Việc luận bàn của một nhà sáng tỏ hơn nhật nguyệt, đối với người sáng mắt ngược mặt đều thấy ta đi đâu cần phải nói gì nữa!

Hỏi: Có phải là Thánh nhân chăng, có hai: a, Phân chương nêu ý.

Nếu là Thánh nhân thì đến mà lấy bát. Ngài Kinh Khê nói: Trước lấy người mà nghiệm pháp. Nay lấy pháp để hiểu người. Người và pháp Không lẫn lộn nhau tức đều cùng. Cho nên biết: Trước đã không pháp, đã biết không người nên cần thử nghiệm lại. Nay lại căn cứ pháp e là sinh niệm mà đến kính điền lấy ăn, là trước ở chương ngài Ca-diếp bốn đế Tiểu thừa mà vấn nạn, khiến thành lỗi ở Đại thừa. Nay lấy bốn đế ở Đại thừa mà vấn nạn thì khiến kẻ chấp tiểu là có lỗi. Cho nên dùng bốn đế mà chung riêng vấn nạn. Nên biết ngài Thiện Cát lấy bốn đế tiểu làm chỗ chứng. Ngài Tịnh Danh lấy bốn đế Đại thừa mà chê trách bảo không nên. Đại tiểu trái nhau đâu thể đáp lại.

Tiếp, “Văn đầu ...” là tùy văn giải nghĩa, Riêng trải bốn đế kiểm hỏi Phân khoa. Luận bày nhân quả thứ lớp, vì thế và xuất thế đều từ nhân đến quả. “Nếu cần ...” là tùy văn giải nghĩa, Tập. Ngài Kinh Khê nói: “Nếu phạm phu ...” thì tâm là tâm vương và thường cùng chung với độc. Từ “đây ...” cũng nên dùng bốn câu để phân biệt. Nay chỉ ba câu đoạn mà cùng chung vì không có lý này. Nếu lập nghĩa, tức các ngoại đạo đoạn hoặc thường kiến thường cùng chung với kiến ở lý cũng được. Nay câu thứ hai chính là bị trách. Câu ba là thường trách. Bồ-tát..., điều nói trong đây tức là trung đạo Phật tánh tức là chân tánh. Kế “thông suốt...” tức là thật tuệ. Thấy tất cả pháp tức là phương tiện. Nếu Nhị thừa quán hữu tác khổ đế... tức Tiểu thừa có thể biết Bồ-tát quán vô tác khổ đế, thì tiếng vô tác gồm cả Thông giáo. Ngài Kinh Khê nói: “Trong đây cũng phải làm đủ bốn câu. Lấy biến đổi thật có hoại và bất hoại. Nay văn thiếu Biệt, chỉ có Tạng, Thông, Viên ba thứ. Trước lấy Tạng, Thông đối Viên chân mà luận hoại, bất hoại. Cho nên trong văn Thông không nói bất hoại, vì lạm dùng Viên, nên không lập. Không nói Biệt, là chỉ người Biệt giáo thì trước hoại mà sau theo. Vì lạm dùng tam tạng cho nên đầy đủ bốn câu mà chỉ thành hai cú. Nghĩa là hoại mà theo và bất hoại mà theo, là vì nội ngoại giới, mỗi thứ có hoại và bất hoại. Nếu làm thành nghĩa bốn câu là hoại thân không theo (tùy) là khổ hạnh ngoại đạo, còn bất hoại không theo là thường kiến ngoại đạo. Lại văn trong Thông giáo cũng nói bất hoại mà theo, không phải là ý kinh này. Ba đạo chỉ quán đến tám giải thoát, đây là thể đã có tập dùng làm đạo vô tác tuy là tên chúng sinh ở quả nhưng tên Bồ-đề lại thông cả nhân. Chúng cùng mang nhau mà đến, chính là ở câu sau làm chứng. Nay nghĩa đạo chúng sinh khổ là do tám tà kết tập. Song du..., ngài Kinh Khê nói: Lý tánh tương tức, nên nói là song du. Đâu có thể ở trong sự đều còn mà nói ám danh là song du ư? Nay vì văn này từ dụng của quả

nên được nói là song du. Mặc tình ám thể tức minh, minh thì hay thù ám, ám cũng luôn minh. Như thế mới có thể gọi là song du. Há có thể chướng trí vô minh cũng còn không phá mà được gọi là minh ám tương tức. Nay bên chung ở ngôi vị nhân quả mà sự lý tương tức, nghĩa không ngại nhau. Cho nên người tu quán thì lý cũng phải tương tức. Đâu có thể một mực suy công Thánh nhân. Cho nên biết người tu cần luôn ở trong sự mà quán lý minh ám. Khi ám hết thì minh thành cũng không diệt mất. Cho nên phải ở trong sự nói ám, chiếu lý minh ám mà ở quán hành cũng gọi là song du. Thế thì sự ám không phải ám, lý minh không phải minh. Tuy tức sự lý, vị có khác nhau, nhưng cũng nói là sự lý không ngại hại nhau. Vì do nhân song du mà thành quả song du. Hành ở lý phi đạo, cũng do cố ấy mà được chứng về song du, thì ba ngàn thế gian đều gọi là phi đạo. Việc bày si ái không lìa không trung. Minh ám lý đồng mới gọi là Phật đạo. Thế thì sự lý nhân quả đều không hai.

Hỏi: Vì sao lấy minh thoát mà làm đạo để?

Đáp: Ba minh đều có chánh trợ hai đạo. Vô lậu là chánh, quá khứ vị lai là trợ. Đạo để không ra ngoài hạnh chánh trợ. Lại có thể ba minh là chánh, tám giải là trợ. Lại tám giải, nếu đối với sự, thiên đạt lý thật tướng, mà hay hóa dụng thật lý là chánh. Hóa dụng là trợ. Đối như thế... mới gọi là đạo để. Diệt kinh nói: Cũng không phải không buộc. Ngài Kinh Khê nói: “Chữ giải có người đọc là cái, có gì mà chẳng được, nhưng trái với giải thoát trên thì không hợp. Vì sao? Nếu chánh vận công trên có thể đọc là giải, dưới đọc là hạt. Ngày công thành phải đọc là sỏi, dưới phải đọc là sỏi. Phục (buộc) không có hai âm, nghĩa thật chung cả hai. Vì khi đọc phục thì cũng chỉ là phục (buộc). Thanh văn giáo đến tức là diệt để. Ý nay diệt để mà từ giải thoát ngũ nghịch làm tên, tức ngũ nghịch là nhân rất khổ. Nhân tất chiêu quả, vì khổ tức diệt mất. Cho nên trong Tiểu thừa làm mười ba nạn chướng. Giới không phát thì định tuệ không thành. Định tuệ không thành thì nghĩa quả không được. Nay giáo Đại thừa thể đạt tâm tánh tức là giải thoát, sao lại có chướng. Nếu thế, vì sao kinh Phạm Võng bày nghịch bị ngăn cấm?

Đáp: Tiểu thừa ngăn chướng giới mà lại chướng quả. Đại thừa tuy chướng giới mà không ngăn tiến đạo. Cho nên vua A-xà-thế được tín vô căn. Ương-quật-ma-la được Vô sinh nhẫn. Nếu thế thì đại đâu cần giới? Đáp: Nếu thế thì tự biết đời trước có thừa ngăn mà cũng được pháp. Nên ở đời này kẻ mới nhập mà trợ mỏng thì đời sau thừa chủng ít ngăn kém lôi kéo vào đường ác. Thật giả thừa giới nhân thiên gặp Phật. Lại chướng Đại thừa, không đồng với Tiểu thừa một đời bỏ hẳn.

Vì trong Đại thừa cho sám hối tội nghịch. Cõi này rất ưa dùng việc làm đó. Tông này nương vào việc sám hối của Đại thừa trở lại kiểm tra Tiểu thừa, huống vốn học Đại thừa thì sám hối có ngại gì? Phạm Võng nói là cấm ngăn người chưa sám hối mà thôi. Đủ như văn sau trong chương ngài Ba-ly có nói: Há có triết sĩ lánh giới theo thừa còn ngần luyến sâu, đâu có thể cầu chí đạo được? Như Điều-đạt..., đây cần phải từ quyền tích mà bày biện thuyết. Luôn thuận ở nghịch tội, thuận không trái ngại. Chê tiểu chẳng trọn. Phi đạo là đạo. Chuẩn theo lý nên nói: Thử nghịch nhập diệt. Thử nghịch diệt mất rồi mới gọi là thật hạnh. Chẳng thế thì đều không phải, tức ngài Thiện Cát không thấy vô tác, cũng không phải phần chân Thánh nhân. Lại không phải là vô thượng kính điền nên nói là không phải. Ngài Kinh Khê nói: Đây lại cử quả mà chê quả. Dẫn quyền Điều-đạt ý cũng thế. Vì quyền tích tức là dụng của quả địa vậy.

Căn cứ chung bốn đế giải thích lại, có hai: a, Nêu ý. b, “Không thấy...” là tùy giải thích, Căn cứ đế. Đòi thứ nhất không phải giải thích trung, trước căn cứ pháp mà giải thích. Căn cứ nhân mà giải thích. Ngài Kinh Khê nói: Trước căn cứ pháp trung lại nêu kinh lấy đế vô tác mà ngăn hai biên. Cho nên nếu nói không thấy... là lại e rằng trong tâm ngăn chặn nói rằng nếu phá hữu tác thì toàn là không ư? Cho nên liền bày nói bốn đế vô tác đâu cũng không phải? Cho nên lấy điều văn trên nói mà đáp lại là chỉ có đại mà không phải tiểu, sao cần phải bỏ hoặc. Kế “lại giải ...” là căn cứ nhân mà giải thích chỉ vì không đồng với phạm phu Nhị thừa, vì Đại thừa tự có đế vô tác vậy. Tuy có hai giải thích cùng căn cứ pháp, tức lý nó hơi mạnh, nên pháp chung thuộc nhân cùng giải thích không lỗi. Kế căn cứ lấy bỏ, tức chỉ lấy ba giáo mà chê một. Hỏi: Trong văn lấy bỏ thì bỏ một lấy ba hay dùng ba giáo mà chê trách Thiện Cát? Đáp: Tiểu đại đối nhau. Đúng như văn sau, lỗi ở ngoại đạo. Luận chủ nói: Nếu phá tất cả pháp là nêu lỗi của luận chủ, nghĩa là luận chủ phá tất cả pháp ông là đều phá bốn tứ đế, đây là ngoại đạo, lấy mình mà suy người. Phải biết đây là chỗ đại rất đáng sợ. Luận chủ chất vấn lại. Ngược lại thấy này mà trở lại ngoại đạo. Ông chấp kiến này phá các nhân quả. Nay nói phá tuy biểu thị bất tận, tức phá tức lập. Như chỗ tà phá là phá tiểu lập đại, cho đến lập tất cả nhân quả, đại tiểu đều lập, nên nói rất rõ ràng. Phán chất, thì chất là hỏi, cũng là thành vậy.

Căn cứ ở bốn bất khả thuyết, ngài Kinh Khê nói: Hỏi: Nêu chê trách Tiểu thừa chỉ hợp dụng Đại thừa mà nói bốn bất khả thuyết là không thấy đế. Thiện Cát cũng có được lý diệt. Hữu tác, cũng nói là không thấy, sao còn gọi là chê trách không phải không thấy đế, cũng

chỉ Đại kinh có thuyết nhân duyên. Ngài Thiện Cát đã học giáo sinh diệt, cũng thường nói đến, sao gọi là chê trách? Đáp: Văn trước trước đã nêu song phi “đều không phải) mà giải thích, rồi sau lại thuộc vô tác. Lại lấy bỏ mà giải thích, rồi dùng tướng đại tiểu đối môn mà chê trách. Tức nói Thiện Cát không phải chỉ không thấy bốn đế vô tác. Có ý nói trong điển thì cả ba thứ đều không thấy. Nay dẫn Đại kinh bốn thứ bất khả thuyết và bốn thứ khả thuyết. Nói bốn thứ tứ đế đều là trong Thánh pháp nhất tâm mà thấy đầy đủ. Với lý cụ này mà thường nói đầy đủ, hoặc phá hoặc lập đều nói chỉ có mất hẳn, chỉ có Tu-bồ-đề không có chứng dụng này thì cả hai đều lỗi sao gọi là Thánh điển.

Tiếp căn cứ quả, ngài Kinh Khê nói: “Chỉ hàng Nhị thừa ...” là phá tiểu quả. Nay ý chê trách, là nêu văn lấy bỏ bốn đế. Văn đó đã thông lại lập viên cực coi đó là năng phi. Nếu như đây thì mới gọi là được quả. “Hàng phục đây ...” ra ngoài là như phá hóa thành trở đi. Văn đó trải đủ bốn giáo còn coi Đẳng giác của viên giáo không phải đã được quả, thì ngài Thiện Cát là người gì tự bảo đã được quả ư? Nói đã phá hóa thành là tuy đứng trực ở thảo am mà xuất nhập không khó khăn. Nghĩa đã ngầm phá hóa thành. Từ Biệt giáo đến chứng quả. Là hỏi: Chuẩn theo giáo Biệt Viên đều phải coi vị Đẳng giác là không phải được quả, sao chỉ nói thập địa chưa đủ? Đáp: Do vị Đẳng giác hữu vô bất định và vị Đẳng giác là Đẳng giác Phật. Căn cứ đây không lập vị Đẳng giác là đối trong Biệt giáo thì nghĩa Thập địa là cực vị của Bồ-tát. Nếu so với Viên địa thì vẫn thuộc trụ, nên nói là chưa đầy đủ. Văn sau..., là tuy trong sơ trụ đã thành Phật đạo thì cũng không phải là được Phật quả rất ráo.

“Căn cứ phạm không phải lìa phạm phu...”, ngài Kinh Khê nói: Lẫn lượt so sánh nhau thì cũng lấy Phật quả mới gọi là không phải phạm phu. Dẫn năm loại phạm phu mà luận, thì cũng chứng là đều phạm, chỉ có Phật mới là Thánh. Năm phạm tức là tín, trụ, hạnh, hưởng, địa.

“Căn cứ Thánh còn không thấy đến Thánh nhân”, tức còn không có pháp chứng sao lại có người chứng.

Tiếp, kết phá. Ngài Kinh Khê nói: “Mà lìa ... thủ trước”, tức bốn thứ Tứ đế chỉ là Quyền thật. Bốn thứ lý tánh nhân quả chỉ là bình đẳng pháp giới, nên nói là không thủ trước (đắm trước). “Tức trung đạo ... định tuệ trang nghiêm”, tức Tam-muội là định, ba trí là tuệ, đế chỉ là cảnh, tức Pháp thân ư? Định tuệ trang nghiêm Pháp thân, cho nên biết trong đây đủ cả ba đức. Pháp ái không sinh, nếu pháp ái sinh tức ở vị tương tự, không tiến lên vị trên nên gọi là Đảnh đạo. Đại luận quyển

ba mươi có nói: Hỏi: Thế nào là Đảnh đọa? Đáp: Không thể lên ngôi vị Bồ-tát, cũng không thể đọa ở địa Nhị thừa, ái trước các công đức, chấp tướng phân biệt là Bồ-tát đảnh đọa.

Dựa theo bi điền mà hỏi, Bàn sâu về ý nghĩa, nêu chung. “Văn này...” là giải thích riêng, Chê xưa: Bản xưa giải không đúng, tức hai nhà giải nghĩa đều không đúng lý, nên chê chung rằng không đúng. Phân tích khiến đồng lục sư, khiến lại nêu duyên khởi. “Nay nói ...” là hiển bày nay. 2, Nay tùy văn chánh giải thích, Hỏi có thích đồng với người tà, gồm phân khoa. b, Tùy giải thích, Y cứ không thấy Phật, không nghe pháp. Hỏi: Không nghe ba thứ tứ đế của diễn giáo (Đại thừa). Ngài Kinh Khê nói: Văn này ý chê tuy phần nhiều ở Thông Viên mà chẳng nêu nghe biên, nên cần phải nói ba thứ. Nên biết còn không nghe Thông Biệt, hướng là Viên ư? Từ “chỉ tức ... phẩn khí”, đây là nói kinh ở Lộc uyển, thời Phương đẳng thì nghe pháp Đại thừa nhưng vẫn còn trụ ở tiểu quả. Nên kinh lập dụ nói cũng còn chỗ. Nên biết ở chỗ chỉ thời Lộc uyển chính duyên chánh đạo đều chỉ cho diễn môn cả. So đồng ngoại đạo, tức Tiểu thừa Không thấy lý trung. So đồng ngoại đạo không thấy chân lý, không phải gọi Tiểu thừa là tà ngoại. Căn cứ đồng lục sư mà hỏi, có ba: a, Nêu ý nghĩa chung. “Sở dĩ ... thọ học”, ngài Kinh Khê nói: Trước không thấy... đã là hỏi rất ráo: Đã không thấy Phật tức là người tà kiến. Tuy đã hỏi chung, còn e ngài Thiện Cát nhân lần lượt đổ lỗi không nhận, nói vọng rằng ta đã đích thân thấy Phật sao gọi rằng không thấy? Cho nên bèn căn cứ chỉ người không thấy Phật ắt thấy lục sư. Cho nên biết lục sư đã không thấy Phật không nghe Phật pháp. Thiện Cát cũng thế, cùng họ nào khác sao lại bỏ đi, hãy lấy sự mà nghiệm biết. Tức lấy việc lúc giải Không của Thiện Cát so với ngày đầu mới theo học với lục sư. Lục sư ở trước nên Thiện Cát thấy trước. Nói hậu tập tức là học sau. Sư phạm, thì pháp ngôn nói thầy là gương mẫu, làm khuôn phép cho người.

Riêng nêu đồng loại, Chánh giải lục sư. Các pháp đều không sinh diệt, nghĩa là các pháp như hư không. Triệu Pháp sư nói: Người ấy khởi tà kiến, nghĩa là tất cả pháp đoạn diệt tánh Không, không có đạo vua tôi cha con trung hiếu.

Mẹ là Câu-dư-lê, tức người sinh ra ngài, nên gọi là con của Câu-dư-lê. Dưới gọi con đều như thế. Khi thuần thực thì tùy ý được đạo, nghĩa là đạo không cần phải cầu ngang, khổ sinh tử kiếp số hết thì liền tự được. Như lũ... như chuyển lũ hoàn ở Cao sơn. Lũ hết thì tự ngừng đâu cần tìm ư? “Lại nói ...”, người ấy được thần thông thấy việc ở vị lai,

chỉ đến tám vạn kiếp mịt mù không biết, bèn nói khổ hết. Khâm-bà-la là áo xấu. Triệu Pháp sư nói đó là áo xấu, hoặc nói dệt lông làm áo. Nay lấy chỗ vui thích nhất nghĩa là thân nay dứt việc chịu khổ, thân sau được vui. Xuất gia ngoại đạo là tên gọi chung. Triệu sư nói: Như người xuất gia của Phật pháp gọi chung là Sa-môn. Không thể đổi được..., là khổ vui tội phước đã có nhân nhất định thì tất yếu phải chịu, không phải hành đạo mà đoạn dứt được. Riêng nói về lục sư chấp tông như ở kinh Niết-bàn.

“Nay đại ...” là giống như Tiểu thừa, có hai: a, Trước căn cứ dụ nêu ý. b, “Nói tướng ...” là chính nói đồng loại, Đồng loại lục sư, Nói ngoại đạo giống Tiểu thừa. Phá nhân không phá quả: Không tạo là phá nhân, tất cả tự nhiên là phá quả. Như việc Trang Chu chấp “kế), lấy cõi này làm mẫu. Trang Tử người Mông tên Chu, cùng học với Lương Tuệ Vương. Làm sách hơn mười vạn lời mà đều là ngụ ngôn. Nay Tống châu tức Mông thành cũ, là chỗ ấy. Hiện có làng Thiêm viên trong tác phẩm của ông, nên hoặc nói là Mông trang, vì đã từng làm chức quan nhỏ ở Thiêm viên. Sạn định xà-dạ đến chùa tưởng là họ cho rằng đến lúc thuận thực thì mặc tìm được đạo, hoặc là tà nhân duyên hoặc không có nhân duyên, chưa dám định chắc, nên nói chưa tưởng. Ca-chiên-diên tức là người thứ năm trước. Còn hai người kia, tức thứ năm là Khâm-bà-la, thứ sáu là Ni-kiền-đà, nghĩa là phải chịu khổ báo. Lại nói đều do nghiệp nhất định và thuộc hữu môn.

“Thanh văn ...” là nói Tiểu thừa giống ngoại đạo. “Quá khứ ... định số”, là Phật Câu-lưu-tôn, khi người ấy sống đến sáu vạn tuổi thì ngài ra đời. Phật Câu-na-hàm thì người sống đến bốn vạn tuổi, Phật Ca-diếp thì hai vạn tuổi, còn Phật Thích-ca thì người sống một trăm tuổi thì ra đời. Đức Thích-ca trước nói năm người chứng quả, tám vạn người được nhãn. Đến ngài Di-lặc ba hội thuyết pháp thì số người đều nhất định. Như kinh Di-lặc thành Phật đã nói. Các lúc khác không được, từ trừ lúc người sống sáu trăm tuổi, bốn trăm, hai trăm và tám vạn tuổi... thì không có Phật ra đời, vì không có cơ được đạo.

Hỏi: Trong các kinh Đại Thừa đều cùng nói điều này. Đến như kinh Pháp Hoa khi thọ ký cho đệ tử đều nói rõ về tên nước, số kiếp, số thọ mạng và số đệ tử được hóa độ..., sao chỉ riêng có Tiểu thừa?

Đáp: Đại thừa nói về Phật và Phật đạo đều tùy cơ mà ứng hiện, tuy hoặc đồng nói Tiểu thừa nhưng đâu thể chấp nhất định. Như kinh Pháp Hoa luôn nói là sinh diệt, có phân thân ở mười phương, thường có núi Linh thú, làm Phật ở các nước khác. Lại như kinh Niết-bàn nói ở

phương Tây có nước Vô thắng, trang nghiêm như cõi nước An dưỡng. Đức Thích-ca ra đời ở cõi ấy nói Lăng nghiêm Tam-muội. Bảy trăm tăng cầu sống lâu, Đức Thích-ca có tên khác là Quang Minh nói Phật có tuổi thọ như hư không, đất núi biển không thể lấy ra dụ so sánh. Đại luận nói Đức Thích-ca có cõi nước thanh tịnh cũng như Đức Di-đà, nay kinh Phạm Vương thấy cũng như trời Tự tại. Phàm các kinh luận này há đồng với Tiểu thừa nói cõi uest có số tuổi sống một trăm năm là của Đức Thích-ca văn. Một Phật đã không suy lường được thì các Phật đều như thế. Nên suy xét tông chỉ ấy đừng để Đại Tiểu lẫn lộn. Phạm trọng tội Tỳ-ni nói tẩn “đuối) thì luật Tứ Phần nói: Nếu Tỳ-kheo và ni phạm tội Ba-la-di rồi, lại không tâm che dấu, khiến đúng pháp sám hối. Tỳ-ni Mẫu luận nói: Bạch bốn pháp sám hối xong thì gọi là thanh tịnh trì giới. Nhưng thân này không thoát ly sinh tử chỉ khỏi đọa địa ngục mà thôi. Tứ phần nói: Nếu người phạm trọng cấm thì bị diệt tẩn và các tội chướng đạo thì gọi là Phạm Tăng-tàn trở xuống. Đồng loại ba thứ, Nói ngoại đạo giống Tiểu thừa. Nếu được thiền định, là bốn thiền bốn không. Đinh hà..., Đại luận quyển ba mươi lăm nói: Các ngoại đạo... đến thưa vua Ba-tư-nặc rằng: Mặt trăng có tròn khuyết là do ai làm ra, nước biển có vị mặn muối Ma-la-diên do ai tạo ra, đâu không phải là bọn Bà-la-môn chúng tôi ư? Đại vương không nghe nói Tiên A-kiệt-đa đã để nước sông Hằng trong lỗ tai mình suốt mười hai năm ư? Tiên nhân Cù-đàm đã dùng đại thần biến hiện làm thân Thích-ca suốt mười hai năm, lại khiến Thích-ca thành đê đực và biến nữ căn hiện trên mình Thích-ca. Kỳ Thố Tiên nhân trong một ngày nọ đã uống hết nước biển khơi khiến đại địa khô khan ư? Bà-tẩu Tiên nhân vì trời Tự tại đã làm ra ba mắt. La-la Tiên nhân đã biến thành Ca-tỳ-la thành vùng đất muối mặn ư?

Tam quang là mặt trời, mặt trăng và các sao. Bốn Vi-đà như trước nói y phương, Văn Tâm Diêu Long nói: Phương là góc, y là phương thuốc trị bệnh mỗi thứ chuyên chủ một góc. Cho nên được thạch gọi là phương. Mười sáu nước lớn, tên trích từ kinh Trường A-hàm là:

1. Ưng-già.
2. Ma-kiệt-đề.
3. Ca-thy.
4. Câu-tát-la.
5. Bạt-kỳ.
6. Mạt-la.
7. Chi-đề.
8. Bạt-sa.

9. Ni-lâu.
10. Bàn-xà-la.
11. A-thấp-bà.
12. Bà-sai.
13. Tô-la.
14. Càn-đà-la.
15. Kiếm-phù-sa.
16. A-bàn-đề.

“Tam tạng ...” là nói Tiểu thừa giống ngoại đạo. “Sở dĩ ...” là hiển bày ý chê trách. Tâm hạnh lý ngoại, là hai giáo bỏ sinh tử cầu Niết-bàn. Biệt giáo thì bỏ hai biên cầu trung đạo. Không thể nhanh chóng biết bản tánh đều gọi là tâm hành lý ngoại. Từ “đây ...” Niết-bàn Ca-diếp là lời tự thuật của đồng tử. Người Biệt giáo còn tà, Tạng, Thông đâu thể chánh, vì đều không phải viên dung vô tác, cho nên Thông Biệt còn thể, tam tạng làm sao khác được. Tích đồng lục sư là do lẽ ấy.

Tiếp kết khiến lấy ăn. Tuy phần đến không thấy Phật tánh, ngài Kinh Khê nói: “Sinh tử đồng nghĩa với mất đạo lý.... Hỏi có thích tà pháp chẳng, nêu ý phân khoa. Ngài Kinh Khê nói: Vì sao cũng còn đầy đủ kiến tư... là cũng lấy thể khác tên đồng mà chê trách. Ngài Thiện Cát còn đủ các bỉ ác ngoại giới. Ác xấu là giặc, sao còn gọi là Sát tặc, ắt là sinh Không phải bất sinh. Là giặc ắt là sinh, đâu thể kham được Ứng cúng. Không có ba đức này ắt không thành La-hán.

“Một ước...” là tùy văn giải nghĩa, Ước sát tặc mà chê trách, nêu ý phân khoa. “Nếu thuận ...” là tùy văn giải nghĩa, Chê có kiến nhập ở tám nạn, giải thích có kiến hoặc. Nói tà kiến, là những kiến nào. Ngài Kinh Khê nói: Dẫn chứng nói chỗ khởi, nếu là tà nội giới tà thì dễ biết, còn ngoại tà thì khó biết, tức chỉ ngài Thiện Cát. Cho nên muốn giải thích trước cần phải dẫn chỗ khởi rồi giải thích sau. Nếu hợp với trung tức không thấy nhiếp. Ý nói tà này vẫn dự vào hai đế, ba đế. Hai thì chỉ tục là hữu, ba thì chỉ chân là vô. Tuy là hai đế, ba đế vẫn thuộc tà, đều không thấy trung, tức thuộc tà kiến ngoại giới. Nếu giới nội đều bị hai, ba tục nhiếp giữ. Cho nên biết là nội ngoại tà kiến khác hẳn. Nay vì nội giới đã không thấy trung, đầy đủ vô minh, biến dịch sinh tử. Nội giới có nghĩa thường phá giặc nhưng còn nói bao hàm Trung, tức bảy lớp Tạng, Thông tức là không có trung. Hai đế Biệt Viên tiếp Thông gọi là bao hàm Trung. Biệt là hiển Trung. Hiển trung hoặc có lúc chỉ ở Viên. Trong Niết-bàn sơ cũng dùng bảy lớp đơn và phức chân tục hai đế. Nay ở ý này nói trong hai đế có trung đạo. Trung đạo cùng chân mà

làm chân đế gọi là bao hàm Trung. Nếu hiển Trung thì cũng là Biệt và Viên. Nhập biệt hai đế, cho nên chuẩn theo ý nay cũng bao hàm được gọi là hiển. Nói chân đế hợp tục tức là chân của Nhị thừa ở trong tục. Tục cũng gọi là hữu nên nói là hữu kiến. Nếu chia làm ba, thì chân đế Nhị thừa cũng được gọi là vô. Cho nên nói thì không nhiếp. Chuẩn trên hợp tục đã gọi là hữu kiến, là ba thứ này thì thuộc vô, tức là vô kiến. Văn lược bỏ chữ kiến vậy. Vì không thấy trung đều gọi là kiến. Vì kiến nên gọi là tà. Lấy năm thứ trung của Biệt Viên nhập Thông, chính là chê trách chân, há luận tiếp chân. Cho nên năm thứ trung chỉ là Viên mà không phải kiến, các thứ khác cũng gọi là kiến. “Cho nên Đại kinh...” là chứng tỏ hai thứ thuộc tà. “Bởi sao ...” là giải thích đồng ngoại đạo thì thuộc tà.

Giải thích vào tám nạn, Ở nội giới nói hai thứ Đại Tiểu khác nhau. Ngài Kinh Khê nói: “Trụ ở tám nạn ...” là nói ngài Tịnh Danh chê trách, bổn ý dùng lý để vấn nạn, chê trách ngài Thiện Cát nói Trung. Nói Trung mà lập sự cúi thấp. Vì đồng bị điều cho nên là giải thích chê trách đều gồm lý sự. Thanh văn... là nói phần hạn khó khăn của người Thanh văn là người đã phá tư hoặc, nên nói là không có nạn. Nay lấy nạn mà chê trách nói đủ lý nạn thì thâm nhận lấy tám nạn ngoại giới. Sao có thể vào kiến đạo Đại thừa được. Nếu Bồ-tát thì không nhất định, tức Thánh nội giới bị cảnh chướng của ngoại giới, thấu suốt ngoại giới mới gọi là không nạn. Cho nên ở cảnh này mà có chướng không chướng. Nói không chướng là Bồ-tát chung cả bốn. Hai thứ trước thành chướng, chưa thể khéo léo quán nội chướng thành ngoại vô chướng. Hai thứ sau phải khéo quán mới là không phải chướng. Lại sự lý hai thứ trước tất cả đều chướng. Biệt giáo dạy đạo cũng không khỏi chướng. Người viên trước sau tất cả không phải chướng. Chính ước văn này để trách ngài Thiện Cát. Lại hai thứ trước hay biết nội chướng, không thể biết ngoại chướng, cho nên người Nhị thừa nghĩa đúng hai thứ trước, thế nên bị chê trách. Bàng hoàng không biết cho nên khiến kẻ học tiểu trụ ở nạn nội ngoại, không được khỏi nạn. Ý chê trách là ở tại đây. Đây tức là hành ở phi đạo. Tám nạn nội ngoại đều gọi là phi đạo. “Thiện Cát ...” là nhìn sang ngoại giới phân chia hai thứ sự lý khác nhau, có hai: a, Nói Thiện Cát đủ cả hai, người hiển Viên đều không. Nói đủ hai là văn lầm, đáng lẽ phải nói đủ một, nghĩa là Thiện Cát dù không có sự nạn nhưng đủ lý nạn. Chỉ có viên Bồ-tát... ngài Kinh Khê nói: Hỏi: Nếu lấy sự nạn mà làm lý cảnh, thì Bồ-tát trụ ở các chỗ đường ác cho đến căn hoại, vì sao khiến vô thỉ gọi là không nạn? Đáp: Đây có hai nghĩa:

1. Nhập vị.
2. Căn cứ quán hành.

Nếu người nhập vị sao còn ngại hữu, chỉ chê trách Tiểu thừa Không có việc này mà thôi. Nếu quán hành, thì cũng cho là không chướng. Vì sao, vì sơ tâm Bồ-tát thừa gấp giới chậm ở ba đường ác, thiên và bắc châu, nhưng thừa chủng không mất. Còn người thừa giới đều gấp thì dù ở trước Phật cũng nhờ do nguyện xưa lồi dất. Hoặc ở sau Phật mà học giáo không bỏ, căn thiếu và thế trí biện thông thì có hại chỉ cho quán môn, hướng nói về thể nạn, là nói gồm cả sự lý. Về sự nạn thì như trước, về lý nạn thì chỉ là nhất niệm tiểu tâm, tiểu tâm tức trung thì có nạn nào mà được. Hướng lại do đại nguyện thì không nơi nào chẳng đến, sao được ngăn cách bởi nạn xứ, thời, căn, trí. Trụ đó, thể đó, hóa đó, dụng đó. Thế nên Đại thừa lý cần phải thể sự. Cho nên biết nhân quả Tiểu thừa đều khác. “Sự bát ...” là sự lý đều nói. Kết khắp chê trách nguyên do có hai: a, ước sự lý mỗi thứ đều nói. Sự nạn trước đã nói. “Nay nói ...” là nói về lý nạn. Ngài Kinh Khê nói: “Giải thích nêu nội ngoại mà phân sự lý. Đó là ngài Thiện Cát không biết rõ lý nạn ngoại giới, mà thường chướng ở trung đạo. “Có sự ...” là phá người xưa, nay chỉ phá tiểu. Vì đại tiểu ba thừa cùng có ba Không. Thế nên lấy không được ba Không mà giải thích. Lại vị ba Không ở trước kiến đạo, cũng thường phát tâm, nên cũng không dùng. Nay nói kiến... ba đạo là đã chết rồi. Cho nên ở nghĩa vì tiện mà dẫn chánh vị tức là kiến đạo. Kiến đạo còn thế hướng là tu đạo. Lại từ thật nói nhập ba đạo tức cũng có thể được phát. Nhập vô dư là chuẩn theo Tiểu thừa, phát lý giáo vô hữu. Nói các nước khác là cũng từ thật giáo. “Bồ-tát ...” là nói tâm Nhị thừa còn là tâm nặng nhất trong đường ác đâu không gọi là ba đường ác ư? “Như Đại luận...” là người Nhị thừa bị Bồ-tát oán, oan gia há vượt khỏi nhân đường ác mà chứng đường ác vậy. Tiêm sư nói: Đại luận quyển ba mươi nói: Ví như ở chỗ trống vắng có một cây tên là Xa-ma-lê, cành cây vuông dài to lớn rất nhiều chim đến trú ngụ. Có một con bồ câu đến sau đậu trên một cành thì cành ấy liền gãy. Thần đầm hỏi: Các chim điểu thứ lớn đều đến đậu, vì sao với con chim nhỏ này mà cành lại gãy? Thần cây đáp: Con chim này từ cây có thù oán với tôi đến, nó ăn hạt cây ấy đến đậu trên mình tôi mà phóng uế, hạt rơi xuống đất sẽ mọc lên cây ác ấy gây hại rất lớn. Thế nên tôi luôn lo lắng, thà gãy một cành mà tránh được đại họa sau này, Bồ-tát cũng thế. Đối với các ma ngoại, các sử ác nghiệp không sợ như thế. Hàng Nhị thừa ở bên Bồ-tát cũng như con chim nhỏ ấy làm hư hại tâm Đại thừa, diệt hẳn tâm

Phật thừa. Trong luận lấy đại mà chê trách tiểu, cho nên đối tâm Nhị thừa đúng là nạn đường ác ngoại giới. Diệt trong tứ đế... ngài Kinh Khê nói: Đây là lấy ý trong phẩm thí dụ của Pháp Hoa. Phẩm ấy nói người ấy chạy khắp đông tây chỉ nhìn cha mà thôi. Số ấy giải thích rằng: Đông tây là Khổ tập, Nam bắc là Diệt đạo. Cho nên lấy đối diệt dùng chứng diệt đế. Nếu nhập vô dư thì số thọ mạng tám vạn, sáu trăm, bốn trăm, hai trăm tuổi như đã định. Dù hiện định hữu dư mà nhập vô dư, nên cũng gọi là định. Nên luận Câu-xá nói Bắc châu nhất định là ngàn năm, Tây đông giảm gần phân nửa. Tây đông cũng nhất định. Nay lấy số lớn nhất tự bảo là mất hẳn, lớn đâu vượt quá mức này. Trước Phật sau Phật... là tục sau chân trước đều không thấy tánh. Vì sao? Vì sau chân đế cần phải thấy trung mà liền chiếu tục, nghĩa đồng ở sau. Ước đế mà luận thì cũng có thể gọi là tục trước chân sau. Ngoại đạo không thấy chân lý..., tức thấy tuệ là Nhất thiết trí ngoại đạo. Cho nên thần thông Vi-đà phần nhiều đều trước tu Nhất thiết trí vậy. Vì vậy Tiểu thừa gọi chân, nhưng đối Đại thừa vẫn còn tục. Vì tục nên gọi là thế. Cả hai đế chân tục đều không thấy trung, chỉ thành thế trí, do đó mà thuộc nạn ấm á tức cam ngọng, không thể nói.

“Thiện Cát...” là kết chê trách nguyên do, có hai: a, trách người có tư lìa pháp thanh tịnh. Tâm cùng đây hợp, tức trí vô lậu cùng vô minh hợp. Toàn trí là hoặc nên nói hợp. Chỗ không thể đoạn dứt, ngài Kinh Khê nói: Nói tách che ra là căn cứ vào trước lúc chưa phát tâm mà thôi. Cho nên nghe..., Đại luận quyển hai mươi chín nói: Như Thanh văn mà nghe vua Khẩn-đà-la đồn luận tiếng ca Ma-đàn-cầm dùng các pháp thật tướng để khen Phật. Lúc đó núi Tu-di và cây cối đều rung động. Đại Ca-diếp... các đại đệ tử của Phật đều ngồi trên tòa không yên. Bồ-tát Thiên Man hỏi ngài Đại Ca-diếp: Ngài là người lớn tuổi tu hạnh Đầu-đà bậc nhất, nay vì sao không thể chế phục tâm để tự an? Ngài Đại Ca-diếp đáp: Ta đối với trời người thì các dục tâm không thể lay động. Còn Bồ-tát ấy có báo tiếng vô lượng công đức, lại dùng trí tuệ biến hóa thành tiếng khiến không thể nhin được. Nếu gió tám phương nổi lên thì không thể khiến núi Tu-di lay động, nhưng khi kiếp tận thì gió Tỳ-lam thổi đến sẽ khiến nó như cỏ mục. Lìa tự tánh..., là tự tánh thanh tịnh, tâm tức lý trung đạo. Phạm phu cụ hoặc, là phạm phu có đủ ba hoặc mà tâm không tỉnh giác, đắm hoặc gặp được tịnh duyên liền liễu đạt tự tánh. Cho nên Thai kinh nói: Chỉ do cấu ở tâm diệt mất thì thủ chứng như trở bàn tay. “Nhị thừa ...” là Pháp Hoa trở về trước, tự chấp mình là đã chứng quả cùng cực. Cho nên phân tách rằng đã lìa hẳn. Nếu đến

thời Pháp Hoa thì mới hiểu kỳ thật là chưa lìa.

Tiếp, căn cứ Ứng cúng mà trách Tích đồng với thế thiên, Căn cứ phạm phu cho đến hết nghiệp mà giải thích, Chánh giải thích. Ngài Kinh Khê nói: Bốn thứ vô lượng vô tránh... các định tức là Từ bi hữu lậu không cùng thế gian tranh nhau, cũng gọi là vô tránh, đâu có gì lạ.

Liệu giản, Ước ngoại đạo hiện được mà giải thích. b, Phân tích không phải là ruộng tốt. Có ruộng muối kiến tư, đây là mượn ruộng thế gian để giải thích ruộng phước xuất thế. Nói không phải là chỉ có muối mặn mà không phải là ruộng tốt. Cho nên hàng Nhị thừa cũng còn muối trần sa vô minh. Lỗ là đất muối mặn. Tích đồng ba ác, có hai: a, Ước nhập vị đến ngoại giới mà giải thích. Ngài Kinh Khê nói: Vì người Tiểu thừa Không có nguyện dấn dần nên không có tâm hóa vật. Cho nên bố thí thì được phước trước ở nhân thiên. Đây nói người không có thế nguyện. Bồ-tát không thế. Đã như giải thích trước. Ước sơ tâm ở nội giới mà giải thích. Phạm phu chấp tiểu nhất định phải đọa ở ba ác, mà không phải ngoại giới. Ngài Kinh Khê nói: Căn cứ người bác văn Tiểu thừa, tức tự mình không chút lợi nhỏ chỉ thường báng bỏ Đại thừa. Kế dẫn chuyện thẳng ý để chứng tỏ có đọa ác. Đại luận quyển bảy nói thời quá khứ, Đức Phật Sư Tử Âm Vương sau khi tịch diệt, có hai Tỳ-kheo một tên là Hỷ căn, một tên là Thắng ý. Đệ tử của hỷ căn thông minh ham thích nghe nghĩa sâu xa, vì thầy họ chỉ nói các pháp thật tướng. Thầy bảo đệ tử rằng: Dâm dục si tướng tức là thật tướng, không có gì trở ngại. Do đó phương tiện không sâu, không hỏi thì được Vô sinh nhẫn. Còn Thắng ý thì trì giới đầu-đà bốn thiên, các đệ tử căn độn phần nhiều đều tìm cầu phân biệt. Thắng ý bảo các Tỳ-kheo rằng: “Hỷ căn dối lừa mê hoặc các người dẫn vào tà kiến, ông ta nói dâm dục là pháp vô ngại”. Lúc đó hỷ căn nghĩ rằng: Ông ta bị nghiệp rất sâu ác che lấp khiến sẽ rơi vào tội lớn. Ta nay phải vì ông ấy mà nói pháp thậm thâm để làm nhân cho đời sau. Liền tập họp chúng Tăng một lúc nói kệ rằng: Dâm dục tức là đạo. Khuể si cũng như thế. Thì cả ba vạn Thiên tử đều được Vô sinh nhẫn, tám ngàn Thanh văn đều được giải thoát. Ngay lúc ấy Thắng ý rơi vào địa ngục chịu ngàn vạn ức năm khổ não. Hỷ căn tức ngày nay là Đức Phật Đông Phương Bảo Nghiêm Độ Quang Du Nhật Nguyệt. Thắng ý tức là Thích-ca. Đủ như trong luận nói. Phụ hành và các văn cũng dẫn đủ.

Căn cứ Bất sinh mà trách, Tích đồng chúng ma, Nêu chung. “Vì cùng...” là giải thích riêng. Tự hành... ngài Kinh Khê nói: Đồng ham thích sinh tử như đồng một tay. Bốn ý của nội giới thiên ma chỉ khiến

chúng sinh ham thích hữu. Hữu tức nội sinh, nội ngoại nào khác. Vì sinh nhân đồng, cho nên như một tay làm. “Lại giải ...” là bền chắc. Lao dịch và kiên lao là chữ xưa, mượn mà không phân biệt hai thứ khác nhau. Cho nên văn tuyển nói chữ lao cố phần nhiều viết chữ lao. Nên khiến văn nay phải dùng nghĩa bền chắc. Điều nhiệm đến khá chuyển, tức chấp chặt, tức nghĩa bền chắc. Mà cùng thiện chấp chặt đồng nhau, có thể làm bè bạn.

Tích đồng trần lao. Các ông cũng đầy đủ hữu nên nói đấng. Ngài Kinh Khê nói: Tám vạn... là nói chung cả đại Tiểu thừa. Nên luận Câu-xá nói: Mâu-ni nói Pháp uẩn số có tám vạn, cho đến như kinh báo ân nêu nhiều hơn tám vạn. Đây đều là tám vạn nội giới. Như đối bốn phần, mỗi phần đều có hai vạn một ngàn. Bốn phần chỉ là hoặc nội giới. Như Tam-muội Ba-la-mật trong Đại thừa việc trị liệu đều là hoặc nội giới. Cho nên biết ngài Thiện Cát có đủ ngoại giới, tên đồng loại đồng. Vì vậy Đại sĩ chê trách là không khác.

Tích đồng thế oán (kẻ thù ở đời). Yêm nhân là người nam bị thiến. Nguyệt ra lệnh trọng đồng sai Yêm doãn xét phòng thất của lữ thận. Kinh Khê nói: Phải nói là yêm tặc (giặc thiến) lại lấy thiến người khác để diệt bỏ, diệt người khác đến không thể trị được. Lại hại... hại tức là oán. Trước giải thích tướng hại, đây giải thích điều hại. Lại trước chỉ chánh nhân nên nói là chủng tử. Đây dựa vào ba nhân, nên nói thân mạng và quyến thuộc.

Phân tích hủy báng Phật pháp, ngài Kinh Khê nói: Báng có hai thứ, tuy đối hai thứ chỉ có một sinh tử. Nói cũng gồm hai hủy báng. Nếu có sinh tử ắt không thường trụ. Vì thành tướng hao tổn nên cần phải đối thường trụ.

Phân tích không phải chân tăng. Ngài Kinh Khê nói: Không nhập vào số chúng, cũng có thể nói lý sự hai thứ hòa hợp mới gọi là chúng. Chúng ắt hòa hợp. Tức là sự cùng pháp giới chúng sinh hòa hợp, lý cùng chân như pháp giới hòa hợp. Thiện Cát đều không có cho nên không nhập số.

Phân tích không phải chân diệt. Ngài Kinh Khê nói: Vì không nhập số nên trọn không được đại bát Niết-bàn tức là đại diệt độ. Dẫu có nhập số còn chưa được diệt, huống là không nhập số, đâu thể được diệt. Đây dẫu có chê trách thì trọn không nhập số mà không diệt độ. “Người đời...” là chê trách nghi dẫn chứng. Phần nhiều nghi lời giải này. Nay nghi mà chê trách sát tặc... ba nghĩa văn đã giải tức là không căn cứ. Mà không biết sự nay. Toàn căn cứ vào Pháp Hoa mà thấy ý chê trách

này. Vì trong Pháp Hoa ngài Thiện Cát đã hiểu rõ nói rằng ta nay thật là A-la-hán, há không phải là truy xét tiểu quả đời xưa đã không chân thật, đến nỗi bị chê trách. Cho nên cần phải lấy ba nghĩa của La-hán để giải thích lời chê trách này. “Cho nên ...” đến Pháp Hoa mới hiển sáng. “Cho nên bốn...” là dẫn chứng. Bốn vị đại Thanh văn ngài Thiện Cát là một trong số đó.

Để bát mà đi, Nói chung: Trước tự phục mình không phải là kính điền. “Lại ta...” là không phục làm bi điền. Suy nghĩ tới lui, là kết hai văn trên, nghĩ tới thì mình không phải kính điền, nghĩ lui mình không phải là bi điền. Bi kính đều không phải thì làm sao lấy ăn, chi bằng bỏ bát ra khỏi nhà mà đi.

“Lúc ta...” là giải thích riêng. Ngài Kinh Khê nói: “Mang nhiên là tướng chung của không biết, tức không biết Phật pháp Quyền thật khai giá. Nếu khiến biết, tức là đáp rằng Thế tôn biết ta thật là cơ chưa phát. Thế nên phải ngăn thật mà trước phải bày quyền. Đại sĩ sao được liền lấy thật mà chê trách. Đến sau cơ thành mới có thể ngăn quyền mà dùng thật. Như Lai còn tự quán cơ để hợp vật, Đại sĩ sao lại làm tổn hại cơ nghi ta. Ngâm ý như thế nhưng Thiện Cát trong đó đã đáp ý này. Ở hội Niết-bàn Thanh văn đâu nhận lời chê trách của Đại sĩ. Đại sĩ chính vì Phương đẳng không biết đưa vào đề hồ tiện cho phương xa mà thôi. Vì không biết nên im lặng không đáp.

Tiếp là Tịnh Danh an ủi, có hai: a, Nêu ý phân khoa. b, Tùy văn giải thích, An ủi hỏi. Ngài Kinh Khê nói: “Tức là Pháp thân... tức là Pháp thân Như Lai trong việc hóa độ. Làm giải thích này, tức từ lý, cũng nên lại cần phải từ sự mà giải thích. Giả sử Như Lai hóa làm một người lại lấy đây mà kết nạn về việc hóa người há lại sợ sắc. Cật là trách hỏi, tiếp là Thiện Cát đáp.

Lại an ủi giải thích, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, Chánh an ủi. Ngài Kinh Khê nói: Tất cả pháp. Ấm, giới, nhập... là tất cả pháp vậy. Pháp này còn thế, sao riêng mình là bi kính. Giải thích. Luận lại.

Nghe là ngộ đạo. Trước dùng Thông giáo giải thích... vì đây nói được pháp Nhân tịnh là được ích lợi Thông giáo, cho nên trước cần phải ước thông mà giải thích. Hoặc là nghe an ủi nói huyễn hóa liền ngộ được pháp nhân tịnh.

Hỏi: Được pháp Nhân tịnh hà tất phải ở Thông?

Đáp: Một đời giáo văn đều lấy được ích sơ quả là pháp nhân tịnh. Thông giáo có địa chung nên có lợi ích nhỏ. Đã là nghe chê trách nên ích không phải ở Tạng giáo. Cuối cùng là kết thành không kham.

- Sai ngài Phú-lâu-na:

Có hai: a, Phân khoa nêu ý. b, “Phú-lâu-na...” là tùy văn giải nghĩa: Sai thăm bệnh, và dịch tên. “Chỉ pháp ...” là giải nghi. Trong Pháp Hoa, ngài Ca-chiên-diên là trung căn, ngài Mãn nguyện là hạ căn. Nhưng nay sai ngài Mãn Nguyện trước ngài Ca-chiên-diên, nên cần phải phân biệt nêu rõ. Hoặc do Phật chọn sai người đứng gần ở bên tả mình mà sai đi, không luận thứ lớp. “Vì sao ...” là giải thích ý cơ tiện lợi. Văn từ trang nghiêm, là ngài Chiên-diên chỉ thường vấn nạn, văn từ không được trang nhã nên không sai trước. Khổng tử nói: Nói để làm rõ ý, văn làm rõ lời nói. Không nói ra, ai biết ý chí mình. Nói mà không văn từ thì truyền đi không xa. Nước Tấn làm bá, Trịnh chiếm nước Trần, nếu không có văn từ thì không công phạt được. Đại phẩm... ngài Kinh Khê nói: Tuy ở Pháp Hoa mà được hạ căn rồi kham nhận lệnh chuyển giáo Bát-nhã. Cho nên ở giáo này không phải trước cũng không phải sau. Cho nên biết đại quyền biến để dắt dẫn cơ nào có nhất định. Có đủ liệu giản, tức hạch hỏi kỹ về đại ý thì ngài Thân Tử chuyên trí tuệ, ngài Thiện Cát là giải Không, ngài Mãn Nguyện thì nói pháp... đều thuận Bát-nhã. Nên riêng nhận lệnh. Đó là gia hộ chỗ đáng gia hộ rộng như luận văn đã nói.

Từ chối không kham, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, Từ chối không kham. nêu lý do không kham. Là sơ tâm ba thừa, ngài Kinh Khê nói: Các Tỳ-kheo ở trong tam tạng kia chính là chúng ba thừa mới muốn học tiểu. Tuy tạm hiện làm chúng trong tam tạng nhưng tức căn không phải Tiểu thừa mà ngài Mãn Từ Tử thấy họ là chúng Tiểu thừa mà nói pháp Tiểu nên không hợp cơ và chủng từ xưa, không có công năng của bốn Tất-đàn. Lại hoặc có thể ở trong chúng ba thừa của Thông giáo, nhưng ngài Mãn Nguyện thấy họ đồng với chúng Nhị thừa bỏ phương tiện mà nói tích pháp, tiểu tông còn lỗi thì tiểu cơ đâu thể sinh thiện riêng. Cho nên bị Đại sĩ chê trách. Trách bảo cơ họ là đại do tích tập ở đời trước. Tìm đọc kinh có thể biết, “tâm ...” là chê trách từ chối, vì biết đang nói pháp Tiểu. Chánh kể việc không kham, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, Trách nói pháp lỗi cơ, Phân khoa bày nghĩa, Phân khoa. và bày nghĩa, Chánh bày. Nhớ nghĩ việc gì, ngài Kinh Khê nói: “Gì là nói biểu thị các thứ, tức bày phương tiện, cũng là mượn ý ở Pháp Hoa sao được riêng dùng tiểu pháp mà dạy. “Chỉ bốn ...” là nêu ý bốn là Đệ nhất nghĩa làm gốc, ba Tất-đàn kia như cành lá. Nương vào cành lá mà tìm thấy gốc thì lý ở trước, nương vào gốc mà tìm cành lá thì lý ở sau. Ngài Kinh Khê nói: Cũng phải hỏi lại nguyên do: Ở tại thế

giới vì người mà đối trị là sau. Vì sao không giống ý của chương năm. Lợi căn thì ở thứ nhất, độn căn thì ở thứ tư chẳng? Đáp: Vì người đối trị nên hợp cơ ở nhân thiện ác. Thế giới tức là quả thiện ác. Xem quả thì biết nhân, nghiệm xét nhân thì biết quả, đều là tùy tiện nào có ngại gì? Nếu là người lợi căn cho đến cũng có thể Không dùng đủ ba thứ. Chuẩn theo đây thì đối độn căn cũng phải có nhân quả trước sau này.

“Mãn nguyện...” là kết bày. “Thời duy ...” là tùy văn chánh giải thích, Chê trách không xem xét bản tâm, Giải thích pháp, Chánh giải thích. Nếu không nhập định..., ngài Kinh Khê nói: Đây há không răn kẻ nói pháp sau này ư? Dù trước không có tri căn Tam-muội cũng cần quán xét người sau mới nói pháp... (đẳng) là không biết nương hạnh an lạc dùng Đại thừa mà đáp, tức là người ấy vọng nói Tiểu thừa Đệ nhất nghĩa. Đã có đại cơ thì phải nói pháp Đại thừa Đệ nhất nghĩa, trái lại nói pháp tiểu sai cơ, đến nỗi bị chê trách. Ngài Kinh Khê nói: Nếu chuẩn theo văn sau thì được bất thoái chuyển, phải dùng Đệ nhất nghĩa Tất-đàn từ đầu. Như thế thì các Tỳ-kheo liền thành, không cần dùng ba Tất-đàn sau. Sao được dùng bốn Tất-đàn mà trách ngài Mãn Nguyện? Đáp: Hợp căn duyên hiện đời của các Tỳ-kheo này thì chỉ dùng chung một lượt bốn thứ, nên nêu riêng ba thứ. Hướng lại nhân thấm nhuần chung mà nói lý che phủ vật, thì cần nêu đủ cả bốn. Không nghi ngờ, vì các Tỳ-kheo từng tu bốn thứ này. Đủ như trong số văn đã nêu, là nghe ngài Tịnh Danh nói, tức là thế giới Tất-đàn phá ác kiến tư sinh thiện tục đế. Đây đều là ở vị tương tự. Nếu đem bất thoái mà làm tương tự là Đệ nhất nghĩa. Từng bậc đi lên mà làm ba Tất-đàn, tức làm bốn Tất-đàn bất thoái. Bất thoái của Thông Biệt nghĩa chuẩn có thể biết.

Tiếp liệu giản, Giản định thường biết cơ. Chương vô tri của thông giáo, ngài Kinh Khê nói: Cũng phải nói kiến kiến thuộc tri, cho nên coi thông là tri. Nên lấy vô tri mà luận chương Thông. Bồ-tát cũng thế tức cũng như Tiểu thừa đương giáo, có người được thiền và người không được thiền. Song ở Thông giáo đương thời há toàn là không biết. Ý nói chưa phải là tùy ý chân hóa. Chưa biết mười sáu môn nội ngoại và sáu mươi bốn Tất-đàn. Thế nên chỉ lấy Bồ-tát của Biệt viên. Song ở Biệt viên thì không phán định vị, ắt cần phán thuộc vị ở hạ căn. Nên lấy hạ căn, vì vị đó nhất định. Nên đầy đủ như văn sau hỏi đáp để chọn lấy. Tự động tức chân xuất giả, vị tức Sơ địa sơ trụ mà viên chiếu. Là trí này vô vi chiếu cơ vậy. Tiếp, chọn tâm căn sai khác. Chọn trách nguyên do tâm. Ngài Kinh Khê nói: Hỏi: Nếu thế, ngài Tịnh Danh sao được xem đồng nhau, mà văn sau lại nói phải biết tâm nghĩ ngợi của các Tỳ-kheo.

Ý đáp: Phạm phu muốn lợi vật trước phải nhờ biết tâm, vì tất cả các cơ không ngoài tâm. Xưa có ý muốn này nay mới thành cơ. Tiếp, chọn Biệt Viên có hơn kém. Chọn ý khuyên nhập. Hoặc là phá hoặc là khuyên, ngài Kinh Khê nói: Tức phá tiểu mà khuyên viên từ không có chỗ nhập. Vì người khác mà nhập nên nói là Phương tiện. Tuy phân chia Biệt viên nhưng lại gồm ba. “Lại nữa ...”, là lấy chứng lý làm nhập định. Nên trước phải chứng lý rồi mới vì người khác mà nói pháp. Giải thích dụ. Đại tâm tức là pháp tánh. Ngài Kinh Khê nói: Nói các Tỳ-kheo đó, từ xưa đã từng phát Bồ-đề pháp tánh. Bảo khí đặng đặng, là lấy báu làm khí, báu tức là khí nên nói bảo khí (đồ đựng báu). Đại tâm rất quý, cho nên đại tâm như báu vật thọ pháp cho nên hiểu như là khí (đồ đựng). Tuy dùng chữ khác nhưng hiển bày đại tâm. Chê trách không quán tâm niệm. Đây như ngài Thân Tử dạy hai đệ tử của mình đã dùng Tiểu thừa quán môn sai cơ làm ví dụ cho văn này, vì đại mà nói tiểu Niết-bàn nói: Ta xưa ở nước Ba-la-nại, lúc đó ngài Xá-lợi-phất dạy hai đệ tử của mình, một người quán xương trắng, một người đến hơi thở, trải đã nhiều năm đều không được định, liền sinh tà kiến nói không có Niết-bàn, không có pháp vô lậu. Nếu có thì ta đã được rồi. Lúc đó ta thấy các Tỳ-kheo ấy sinh tâm tà nên trách Xá-lợi-phất rằng: Ông không khéo dạy, vì sao lại vì hai đệ tử nói pháp điên đảo. Hai người đệ tử của ông tánh mỗi người đều khác, một người chuyên nghề giặt áo, một người là thợ vàng. Người thợ vàng phải dạy phép sổ tức, người giặt áo phải dạy quán xương. Ông đã dạy lầm khiến họ sinh ác tà. Lúc đó ta theo chỗ thích ứng của hai người ấy mà nói pháp thì đều chứng được A-la-hán”. Đại thừa chân thật... là lưu ly bền chắc để dụ cho đại thật, nước trong không bền chắc dụ cho tiểu hư. Lưu ly nói đủ là Phệ-lưu-ly, Hán dịch là bát viển (không xa), nghĩa là ở tây vức có núi cách thành Ba-la-nại không xa. Báu này lấy ở đó ra nên gọi tên như thế. Tánh nó rất cứng chắc, sức người nung đốt không thể phá hoại được. Chữ xưa chỉ nói lưu ly, người sau mới thêm tiếng ngọc. Tả đại trọng trong ngô đồ phú có nói rất xa lưu ly cùng hà tuất. Âm thúy chú giải rằng lưu ly và hà tuất đều là tên các ngọc báu. Tiếp chê trách không quán căn nguyên. Có chương phải nói Đại thừa để đối trị, ngài Kinh Khê nói: Chương này phải hợp dụng Đại thừa mà trị, cho nên không phải tiểu mà đối trị được. Chưa có bệnh ghê có niệm đả trước pháp Tiểu thừa. Là chớ làm thương tổn khiến thành bệnh ghê Tiểu thừa. Đại luận nói: Người nghe pháp cần phải có chủng tử đời trước. Tín tâm bị ghê như nằm trên bụi độc. Thân nếu không bị ghê lở lói thì chất độc không thấm vào được. Luận nguyên là

dụ cho đại nay mượn dụ tiểu. Nếu vốn “không” có ghẻ tiểu, dầu nằm trên pháp độc tiểu giáo thì nó vẫn không thấm vào được. Cần gì dùng tiểu. Lấy thân bị ghẻ cũng là lấy tiểu mà làm tổn hại Pháp thân của đại. Xưa vốn đã phát đại, vì Pháp thân hoàn toàn đầy đủ. Tiếp, không quán sự ham thích, Nêu chung, và Giải thích riêng, Đối trước chọn nêu, có hai: a”. Chánh nêu sở thuộc là ba trong mười Lực:

1. Xứ phi xứ lực.
2. Trí nghiệp lực.
3. Định lực.
4. Căn lực.
5. Dục lực.
6. Tánh lực.
7. Chí xứ đạo lực.
8. Túc mạng lực.
9. Thiên nhân lực.
10. Lưu tận lực.

Ba lực tức là các lực thứ tư, năm, sáu.

“Trong đây...” nguyên do tánh thiếu, nói tánh thiếu, Chánh nêu. Trong đây chỉ nói căn dục. Đẳng (v.v ...) Là trước nói căn nguyên chúng sinh. Đây nói muốn làm đại đạo. “Dĩ thiện ...” là giải thích nguyên do tánh thiếu. Ngài Kinh Khê nói: Nói căn nếu thành tức không thể đổi. Nay tâm các Tỳ-kheo cũng có thể phát. Thế nên trước dùng ba nghĩa mà chê bác. Tuy các văn khác nói thì ba đời lại được dùng chung tên đó. Nên nay nhất định cần phải giải thích. Các Tỳ-kheo đổi Tiểu vào Đại, tức đổi cảnh mà sinh ý muốn. “Cho nên Đại...” là dẫn chứng. Ngài Kinh Khê nói: Hỏi: Tâm ấy đã sâu sao không gọi căn? Đáp: Được tên chỗ khác nên không gọi. Tên căn là do thường sinh tánh, tức là không đổi, nên cũng gọi là thâm tâm. Nếu chưa có thể sinh thì không phải căn. “ Nếu quá...” là giải thích thành. Ngài Kinh Khê nói: Thiện căn bền chắc sao lại dùng tánh dục cùng được tên, giúp giải thích ý này. Quen dục thành tánh. Tánh ở vị lai, do tánh mà thành dục thì tánh ở quá khứ. Thế thì căn dục hiện tại nhất định là ở quá khứ. Lại dục đối duyên ắt cần phải ở hiện tại. “ Dục tánh...” là kết bầy gồm chê trách. Ngài Kinh Khê nói: Dục tánh liên quan nhau là do cùng dục đối luận cho nên tánh thông quá khứ vị lai. Tiếp, chánh giải thích. Dụ, có hai: a, Chánh giải thích ý dụ. Ba thứ tâm ham muốn là muốn hiển lý, muốn phát trí, muốn tu hành, muốn hiển Pháp thân... ngài Kinh Khê nói: Trí là thường đi, đạo bị dẫm đạp cho nên biết bị dẫm đạp tức thật tướng. Cho nên biết

đại đạo cũng là tiểu, chỗ hành Tiểu thừa ở trung mà nhận lấy chân đế. Cho nên lấy dụng năng hành dùng để hiển đại đạo sở hành. Muốn tu..., hành đại đạo là do tâm. Đại tâm dẫn dắt hành muôn thiện cùng về, tức là duyên nhân. “Cho nên ...” là kết thành, đây là giải thoát. “Nếu nói...” là phòng bị vấn nạn, sợ bị vấn nạn nên nói kiến chân. Kiến và chân không khác, tức đưa thí dụ mà ngăn rằng không gì bằng. Cho nên lấy năm nghĩa mà làm riêng. Nói năm nghĩa:

1. Trùng và báu khác nhau, chân và trung khác nhau.
3. Dừng và không dừng, cực và chưa cực.
3. Nhiều ít khác nhau có nội ngoại giới.
4. Tự và tha phần tác và vô tác.
5. Ích và không ích, hóa độ gần xa.

Ánh sáng báu, vì nhật cung do hai thứ báu tạo nên. Ánh lửa đom đóm, Di Thông Quái Nghiệm nói: Tiết lập thu, loài sâu trong cỏ hóa làm đom đóm. Quảng nhā nói: Cảnh thiên đom đóm lửa lân. “Hai thứ này...” là kết thành ba đức. Chuẩn theo kết thành này, thì biết đại đạo là chánh nhân. Nhật quang là liễu nhân, vạn hạnh là duyên nhân, tức là dụ biển lớn vậy. Văn kinh nói trước là hạnh sau là trí, tức ba thứ dung nhau, hà tất phải thứ lớp. “Lại nữa...” là ước lỗi mà kết về. Bốn tâm này là bốn Tất-đàn của Đại thừa. Khoảng giữa bỏ quên... là lúc đầu khi kết duyên thì sức ngài Mãn Nguyên Tiểu thừa Không thể biết được.

Tiếp kết lỗi, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, Chánh kết lỗi mà trách. Ngài Kinh Khê nói: Tuy bị báo chướng che lấp, báo chướng tức là lui sụt Đại thừa xong, về sau ở trong ba đường ác. Đã nói lưu chuyển thì phần nhiều không phải là chỗ lành. Nếu ở nhân thiên thì không gọi là báo chướng. Thế nên phải nói là đồng. Qua ba ngàn trần điểm trong Pháp Hoa rồi sau mới được ngộ. Cho nên người đời trước chưa nhập chánh vị, đã ở thời Phương đẳng được gặp ngài Tịnh Danh đến khai thị cơ duyên giảng đạo dẫn dắt ắt đến Pháp Hoa được nhập chánh vị. Nay dẫn Pháp Hoa là do lẽ ấy. Hỏi: Thuở xưa... trước nói là đã phát từ lâu, lại nói ở khoảng giữa quên mất, cho nên cần phải hỏi có lỗi cùng không lỗi. Và lỗi ấy do nói lợi ích gì. Lại lỗi và không lỗi thì có duyên nhân và liễu nhân. Liễu nhân thì như văn này. Nếu duyên nhân thì việc liên quán đến ngài đạo sinh nói thiện và không chịu báo. Nghĩa đó dù một mảy lông cũng không mất, hướng là tâm Bồ-đề liễu nhân. Lý hợp ở đây là nói rộng về lý lỗi cùng không lỗi. Đó là đại ý chỉ về thọ và không thọ, mượn biển mượn ánh lửa để khéo dụ. Dụ để hiển sang việc kết lỗi. Kinh có hợp pháp dụ văn đầu là pháp, cũng như dụ người mù

vậy. “Không thể bỏ hợp, không thể đoạn trần sa ... gọi là vi”, ngài Kinh Khê nói: Thượng thượng là nói trần sa căn cứ pháp được (thuốc pháp). Tri căn tức là phá hướng trần sa. Viên chiếu chiếu vô minh trần sa trên vô minh trần sa tức là sở phá, tri căn viên chiếu tức là năng phá. Căn căn cứ viên biệt phân biệt hai thứ này, cho nên nói như mù, trước là ước pháp mà nói không, nên không có hai mắt, kể là căn cứ nhân mà nói Không. Không căn Bồ-tát... tên trần là dùng chung cho phàm phu, nhưng Bồ-tát viên này thì căn trần thuộc ba đế. Lại như mù bẩm sinh trở đi đến căn lợi độn, thì phải biết Nhị thừa hoàn toàn không có chỗ thấy của năm nhãn Đại thừa, nên nói như mù. Đây thì năm nhãn này là ý đoạt.

Hỏi: Ba nhãn trước thì hai giáo Tiểu thừa cũng thường được, còn pháp nhãn thì Bồ-tát của ba giáo cũng thường được, vì sao năm nhãn đều đoạt nói là không?

Đáp: Tùy giáo nương lý, tướng nó có khác. Nếu nói chỗ thấy của chư Phật Bồ-tát tức là bốn mắt đối lý, thì Địa, Trụ được từng phần, chỉ Phật là rốt ráo. Cho nên nhục nhãn có lúc khắp thấy mười phương. Thiên nhãn không dùng hai tướng, mà thấy tuệ nhãn. Mới nói là đệ nhất tịnh. Vì thế, pháp nhãn và Phật nhãn nguyên do có rất khác. Cho nên trong văn không luận riêng, đầy đủ như văn trước đã luận xong. Như thế năm nhãn đều thuộc Phật nhãn đâu thành năm thứ riêng? Đáp: Không phải thế. Chư Phật Như Lai Pháp thân Bồ-tát là dựa vào thể mà phân dụng, năm tướng không đồng. Hơn nữa, nhục nhãn thấy sắc thô, ở chỗ sắc thô mà thấy trung đạo. Từ bên sắc thô gọi là nhục nhãn. Từ chỗ thấy trung liền gọi là Phật nhãn. Cho nên chỗ thấy sắc gọi là dụng. Phật nhãn chánh đáng là thể trung đạo. Còn ba nhãn kia thì so sánh như vừa nói. Nếu cùng giải thích ban đầu mà nói thì Nhị thừa chỉ mù hai thứ pháp nhãn và Phật nhãn. Nay từ đoạt mà nói nên nói mù cả năm nhãn. Hướng lấy Phật địa mà so thì Bồ-tát còn đoạt hướng là Nhị thừa. Pháp Hoa chột mắt vẫn từ ban cho mà luận. Ngài Tịnh Danh nhập định như các Tỳ-kheo, ngài Kinh Khê nói: “Nhờ túc mạng trí. Nhờ là lấy thứ này giúp thứ kia nên gọi thế. Nhưng nay ngài Tịnh Danh trụ ở vị vô cấu; đâu cần nhập định sau đó mới biết ư? Nay bày tướng nhập khiến các Tỳ-kheo biết, thì khiến các Tỳ-kheo ghi ân kính trọng. Ở năm trăm chỗ Phật tức đã quên. Nếu dựa vào Pháp Hoa thì trước là năm trăm, hoặc nương vào Phật này. Nếu chuẩn theo Đại kinh sau bốn hằng thì năm trăm chỗ Phật thật là không nhiều. Tuy không có nói trần điểm và nêu hiệu một vị Phật nào, nay đã được lợi ích. Từ ngài Tịnh Danh phải biết. Ngài Tịnh Danh hoặc lúc đó là quyến thuộc thầy trò đem việc

bác không phải Tịnh Danh cũng ở năm trăm vị mà trợ giúp khiến phát. Phàm một câu được ích lợi đều không uổng công. Cho nên hóa nghi của các Thánh hoặc riêng hoặc chung, hoặc gồm hoặc chánh thức đều do túc duyên không đồng.

Các Tỳ-kheo tâm chí khai phát, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, được bốn tâm. Xưa ở vị quán hành mà lui sụt, nay lại được., Nói chí kính sát thân cũng không thể báo đền. Ngài Kinh Khê nói: Ngày bỏ ba hàng chưa đáp được một câu, há lại nói về luật ở tiểu giáo. Muốn làm đại hạnh “hạnh Đại thừa) đâu thể nguyên hình thức. Kiểm xét đại tiểu hai luật khai giá khác nhau. Giáo quên phạm không ở Thịnh văn, há nghe pháp Đại thừa mà khép nép sợ trái. Đề bà bỏ y Đại thừa, cũng thường mất tướng lễ tục. Ngài Thiện Cát dù tiểu đâu đủ dứt trừ. Nay bảo là tìm về bốn vậy. Ngoại phạm lễ kính bậc Đẳng giác đâu đủ nghi ngờ. Là luận về tích cũng quên vì phạm mà tạm lập, vốn “không” phải là lễ lâu dài. Vì được lợi ích sâu xa bất giác mà khuất thân. Đời gần đây kẻ tầm thường hoặc thỉnh nói mà hiểu sai, hoặc cầu thả vì tài lợi mà uốn mình, hoặc pháp phục mà lạy kẻ bạch y, bảo Tịnh Danh kia là đạo cam, cho ta đây là nguồn gió tân học, làm ô nhiễm Tăng-già, trái phạm luật nghi, là tướng diệt của chân pháp. Tự cho là nghĩ kịp bước Thánh thì rất lầm xa ngàn dặm. Ngài Từ ân nói: Kẻ tân học chưa biết đủ lễ Duy-ma há ngài Từ Ân không hiểu ý pháp lớn về vong phạm hay sao? Ấy chỉ là răn kẻ ít tu đời mạt.

Ngài Tịnh Danh nói pháp. Lời thuyết pháp kinh văn không ghi. Cho nên biết bản phạm rộng lớn không phải lường dối.

Các Tỳ-kheo được bất thoái chuyển. Viên giáo..., ngài Kinh Khê nói: Từ tự đến chân tức ba bất thoái. Trong tự có hai thứ bất thoái; tức vị và hạnh. Đồng luân tức niệm bất thoái, từ xưa đến vị mà thôi. Vì năm phẩm cụ hoặc vị nó cũng có lui sụt. Cho nên khiến lưu chuyển quên mất quán hành. Nay gặp ngài Tịnh Danh thì rộng sáng. Lại nói vị bất định, là dùng vị quán hành gặp duyên thiện ác tấn thoái bất định nên nói bất định vị. Hoặc là đến vị mới có thể phán định, ngài Kinh Khê nói: Nếu chuẩn theo văn này thì đã đủ ba giáo không thể phán định. Cho nên bốn tâm trước thông ba giáo nào lỗi. Tuy ba bất định mà so với năm phẩm của Viên thì đều là ngoại phạm. Tuy ở văn kinh mà không căn cứ tướng vị cho nên khiến không thể chuyên ở một văn.

Ngài Phú-lâu-na chào cung kính. Cuối cùng là kết thành chẳng kham.

- Sai ngài Ca-chiên-diên.

Có hai: a, Phân khoa nêu ý. b, “Ma-ha ...” là tùy văn giải nghĩa, Sai thăm bệnh. Tu-đà-da Sa-di..., Thập tụng nói Sa-di bảy tuổi cùng Phật nghị luận. Phật hỏi năm ấy là một hay khác... trí vượt kẻ hai mươi tuổi, Phật bèn cho thọ giới cụ túc. Luận Câu-xá nói Phật hỏi nhà con ở đâu? Đáp rằng: Ba cõi không nhà mới xứng tâm Thánh. Phật khiến làm phép Yết-ma cho thọ giới Cụ túc. Mười tiên luận nghị như Đại kinh quyển ba mươi lăm, ba mươi sáu nói. Ngài Kinh Khê nói: Đầu tiên là Sa-di, cuối cùng là Niết-bàn. Lấy đây mà chuẩn biết khoảng giữa có thể thấy. Tin biết người ấy cũng trải qua năm thời. Đây là nghị luận thấy cõi cơ được đạo. Tức ở cõi trời ấy mà nhập Niết-bàn, là nói sau khi Phật diệt độ cho đến giữa trời nghị luận, cũng là nghiệp giải thoát. Khi Phật còn tại thế, ngài Ca-chiên-diên làm luận Côn-lặc trình bày hữu môn Tam tạng. Vì tôn giả từ môn này nhập đạo. Luận này truyền ở nước Nam Thiên Trúc không truyền đến nước Trung Quốc. từ chối không kham, có hai: a, phân khoa. b, tùy giải thích, Từ chối không kham. Nói lý do không kham, Nêu ý phân khoa. “Ức niệm ...” là tùy văn chánh giải thích. Phật lược nói pháp yếu, Nêu chung kinh. “Phật ...” là giải thích riêng, Nêu câu giải thích tương, “như tổng ...” là giải thích tương. Ngài Kinh Khê nói: Tướng chung nói khổ đế, tức tên tóm lược, không giải thích nhiều, tức nghĩa tóm lược. Chỉ nói rằng có thân đều khổ không nên yêu thích, tức nghĩa tóm tắt. Tên rộng nghĩa rộng chuẩn nói có thể biết. Nếu thế đến nghĩa thứ hai mới nói văn kinh. Kinh tự nêu năm thứ không giải thích nhiều. Chuẩn việc nêu năm tên cũng có thể gọi là tên rộng mà nghĩa tóm. Cho nên khiến ngài Chiên-diên rộng diễn nói. Nay chỗ chê trách không trách nghĩa rộng, chỉ trách dùng Tiểu thừa Không xứng cơ nghi. Song kinh đều bảo là nói pháp yếu tức là tên tóm lược vậy. Sau tên tóm lược là nói về đại tiểu. Ngài Ca-chiên-diên không hiểu nên lấy tiểu mà giảng dạy. “Phật vì ...” là kết ý chỉ kinh. “Đồng ...” là giải thích nghi. Ngài Kinh Khê nói: Hỏi: Chiên-diên sao được lấy năm hành mà gọi là hiểu năm nghĩa Phật. Năm nghĩa Phật đâu phải thế? Đáp ý: Nghĩa hành và thiện chỗ nương có khác. Giải thích pháp yếu, Nhập đạo hơn hết nên là cần yếu, “khổ ... bốn hành...” Ngài Kinh Khê nói: “Chỉ là bốn Niệm xứ mà thôi. Đồng duyên với khổ, nên gọi là chung. Đại tiểu nhập đạo không như ở đây, nên nói là yếu. Nếu thế sao không lập bất tịnh niệm xứ mà bỏ đi lại nói không? Đáp: bất tịnh cho nên không. Nếu thế vì sao không nói biệt tướng niệm xứ. Đã có nói chung. Nay từ thân nhập vào Noãn pháp mà nói. Cho nên lại nói chung. Tùy dùng một hạnh, là ở vị hạ nhãn khắp quán mười sáu hành tướng, ở vị trung nhãn

trải hai mươi bốn vòng. Giảm hạnh thì giảm duyên bảy vòng. Cho nên đến vị thượng nhãn thì lưu một hạnh một duyên được nhập kiến đạo. Căn cứ nhân có hai thứ khác nhau: Lợi căn là kiến hạnh, Nếu đấm trước ngã thì lưu ở vô ngã hạnh, nếu đấm trước ngã sở thì lưu ở không hạnh. Độn căn là ái hạnh, Nếu kiêu mạn nhiều thì lưu ở vô thường hạnh, nếu giải đãi nhiều thì lưu ở khổ hạnh. Cho nên nói tùy dùng một hạnh, đủ như Thích Thiêm đã nói.

Tức ba Pháp ấn cho nên yếu. Ngài Kinh Khê nói: Đối ba pháp phạm khai hợp là thích nghi với vật. Tất cả kinh luận văn đều như thế. Nay khai hợp này cũng chỉ ở lệ cùng loại, tức hợp thành ba, nếu khai thành năm, tức là năm pháp ấn có gì không được. Như bốn Ưu-đàn-na trong kinh Địa Trì. Ưu-đàn-na, Hán dịch là ấn. Ở bốn ấn ấy lại hợp bất tịnh hoặc lại hợp không. Thế nên ba thứ Tiểu thừa Không thể thiếu. Pháp sinh tử cùng Niết-bàn khác nhau cho nên ấn riêng. Sinh tử cần giữ còn trước sau hai thứ cho nên sinh tử ấn không thể một được. Vô thường là ấn đầu, vô ngã là ấn sau. Trước phải quán vô thường mới sinh chán lìa. Cho nên dùng ấn đầu đã chán lìa rồi mới có thể giữ được năng quán. Cho nên dùng các ấn sau để suy tìm năng quán cho đến không thể được, tức khế hợp với Niết-bàn. Do đó Niết-bàn chỉ dùng một ấn. Nếu Đại thừa pháp ấn chỉ có một. Vì sinh tử và Niết-bàn thể không khác nhau nên gọi là thật tướng ấn.

Tức ba thoát môn cho nên yếu. Chiên-diên nói rộng, Lược giải thích. “Lại rộng...” là rộng giải thích, Chánh giải thích, căn cứ pháp chánh chỉ bày, Chính nói nghĩa rộng. Ngài Kinh Khê nói: Một ngang hai dọc, là ba cõi phải dọc. Nay nói ngang tức từ tâm một đời ba cõi, các kiến phải ngang. Nay nói dọc, là trải ba đời bốn câu mà phân biệt. Lại các kiến do thân thứ lớp tương sinh, nên cũng nói là dọc. Lại cũng có thể nói các kiến là ngang vì luân vòng khởi lên, cho nên ba cõi là dọc, cạn sâu khác nhau. Lý cần phải tế, căn cứ các kiến mà luận rõ năm nghĩa. Kiến chuyển đổi đều dùng năm nghĩa mà truy tìm. Khiến thành việc người sau nhập đạo khác với việc đếm bấu luống công. Cho nên phạm các việc nhập đạo đều từ dọc, đầy đủ như trong phá kiến biên của chỉ quán. Các luận nói rộng là khiến chánh pháp trụ lâu trên đời. Nếu thường ở đây mà chê trách người đếm bấu không được nhập đạo, là lỗi ở người thấy không lỗi ở luận chủ.

“Chỉ Ca-chiên-diên...” là căn cứ luận năng thông, Chính nói Côn-lặc, Nói ý chỉ thung dung của luận, Nói nghĩa chỉ trong luận. Côn-lặc, Hán dịch là Khiếp tàng. Trình bày hai thứ cũng là môn. Nếu nói niệm

xứ..., ngài Kinh Khê nói: Đây là nói công năng của môn đều nói về mê ngộ, nghĩa phải có hai môn hữu và vô. “Thánh hạnh là không tham...” ba thứ việc làm ra của Thánh nhân gọi là Thánh hạnh. “Chỉ Phật...” là hiển bày Phật ở đời không tranh cãi. Nhập môn tuy khác... là bốn môn tuy khác, nhưng chứng quả không khác. Mỗi người đều nói về môn của mình, tức Tỳ-đàm, Bà-sa thì nói về hữu môn, Thành Thật thì nói về không môn, Côn-lặc thì nói môn hai thứ cũng “cũng hữu cũng vô). Như vì Xiển-da nói lìa hữu không có kinh, tức môn song phi “đều không phải). Nhân sư mất ý chỉ, chấp chặt thành tranh cãi. Cho nên đời Tống, ngài Cầu-na-bạt-ma được quả thứ hai. Đến khi diệt độ thì nói di chúc dặn dò đệ tử A-sa-la đem về Thiên Trúc để khuyên răn các sư. Vua Tống Văn Đế bèn sai dịch ra tiếng Hoa, tóm tắt rằng các luận mỗi thứ đều có đầu mối khác nhau, nhưng lý tu hành không hai, kẻ chấp thì có phải quấy, người thấu suốt thì không trái, nên không tranh cãi. “Chiên-diên...” là kết thường thông suốt được ý chỉ. Ngài Kinh Khê nói: Nếu không khéo thông tam tạng, là ý nói có hữu vô chỉ là thuật lại môn mình được nhập. Kẻ học phụ thêm thường thấy suốt ở bốn môn. Cho nên khiến truyền ở nước Nam Thiên Trúc. “Tỳ-đàm...” là lược chỉ ba môn, ngài Kinh Khê nói: bốn môn đều năm, là tất cả đều đủ bốn nghĩa khổ... tịch diệt chỉ là chỗ quy về của bốn nghĩa. Liệu giản, Dẫn chứng luận chỉ. Ngài Kinh Khê nói: Mất xanh đến người độn căn. Mất xanh toàn là phá. Thế nên hai ít cũng là người độn căn. “E đây...”, là nay phán ý luận, bốn môn so nhau lần lượt cùng được lợi độn. Mới dùng môn thứ tư là người lợi căn bậc nhất. “Hỏi Phật...” là quy lỗi cho Chiên-diên. Ngài Kinh Khê nói: Sinh và mất nhiều mối, là hoặc mất nghĩa Đại gồm dùng tên Tiểu, tức như giáo này. Hoặc mất tên Đại mà dùng nghĩa Tiểu, tức như Ca-chiên-diên. Đây không phải là ý Phật. Hoặc trước tên Đại sau dùng nghĩa Tiểu, như Nhị thừa của Thông giáo. Đây cũng không phải là ý Phật. Hoặc trước tên Tiểu sau dùng nghĩa Đại, như nay ngài Tịnh Danh đã dùng. Đây là được ý Phật. Hoặc trước tên tiểu và gồm dùng nghĩa tiểu. Như Bồ-tát Thông giáo. Biệt giáo cũng thế. Cũng không phải ý Phật. Hoặc trước sau đều tiểu như Tam tạng giáo. Chắc chắn đây không phải là ý Phật. Hoặc trước sau đều đại tức độn Bồ-tát của Thông giáo thì phân nửa là ý Phật. Trong một âm mà có nhiều ý thú của chúng đại cơ. Trong đó tuy không phải ý Phật, nhưng không phải là giáo một đời hợp cơ. Đâu không đúng cách nên nói là không phải. Chỉ ngài Ca-chiên-diên không dùng đúng ý Phật. Đối với cơ vô ích trái lại bị chê trách.

Chính kể việc không kham, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, Trách tâm năng thuyết là quấy, có hai: a”, Chính căn cứ năng thuyết tâm quấy. Ngài Kinh Khê nói: Trong đây ý nói là do tâm sinh, tâm đã sinh diệt sao nói vô sinh. Nói từ tâm sinh, chứng tùy tâm được, nói cũng tùy tâm chứng. Hãy tin tưởng không còn lẽ nào khác. Cho nên lấy tâm nghiệm pháp thì biết pháp ắt như tâm. Trọn không có tâm sinh diệt thì có thể nói thật tướng Đại thừa. Thật tướng là tên chung cần lấy lý mà định, ý trách là điều nói ra còn không phải là thật tướng của Thông giáo. Sở văn giải thích gồm có năm lớp, nhưng pháp nói ra do tâm quấy của ngài Ca-chiên-diên không ngoài năm thứ này. Đây đều là năng trách và sở trách đối nhau mà so sánh thì gồm chung bốn môn. Tất cả lý hạnh đồng khác đều là sinh diệt. Văn căn cứ hai đế mà giải thích. “Lại bốn...” là dựa vào năm nghĩa mà giải thích. “Lại nêu ...” là căn cứ quán dụng giải thích. “Lại Chiên ...” là ước bốn môn giải thích. e, “Lại thỉnh...” là căn cứ quán thể giải thích, Dựa theo tiểu nói lỗi. b’, Hà giả...” là ước Diễn mà chọn bày. Ngài Kinh Khê nói: Thông giáo tám Địa trở lên là ý nói chỉ có tên song lưu mà thật không có lý song lưu. Tuy không sinh diệt có giáo mà không có người, vì song lưu đó không có thật quả. Biệt giáo Sơ địa thì lý tuy là thật địa nhưng cũng không người. Tuy dùng Thông mà trách, nhưng Thông không phải là ý giáo, hướng lại ý văn cũng không phải chuyên thông. Cho nên đến Biệt giáo còn nói là không người. Đờn tu-la, không võ mà kêu để dụ cho tức tịch mà nói.

“Lại không phải...” là gồm căn cứ bất tri căn và duyên. Ngài Kinh Khê nói: Không phải chỉ... là nói công dụng của cơ giáo. Nên biết ý trách chính là dùng chân của Thông giáo.

Trách chỗ nói pháp quấy, có hai: a, Lược bày đại ý. Chỉ thông nhập chân, chỉ là chỉ là. b, “Các pháp...” là nói rộng văn kinh, Chánh giải thích, Đối chung năm pháp Tiểu thừa mà trách, Chánh giải thích năm pháp. Ngài Kinh Khê nói: Năm nghĩa đều cùng tạng đối luận, đều chánh chê tam tạng tên đồng mà nghĩa khác, vì do cảnh đồng mà quán khác. Các pháp rất ráo, tiểu cũng gọi không mà không phải nghĩa không. Không của tiểu chẳng có ý chỉ, nghĩa chân không thành. Cho đến tịch diệt đồng hay khác chuẩn theo đó mà nói: Tam tạng nói về sinh pháp hai Không, tức hoặc một hoặc ba đầy đủ như ở chương Mục-liên đã luận rõ. Đại thừa (diễn) nói thật tướng chân không là nghĩa thông cả chân trung. Đây chính dùng chân mà ngầm gồm trung đạo. Cho nên ở đây chính cùng ý chương Mục-liên được nói cho các quốc vương, trưởng giả. “Đều...” là giải thích phẩm Quán Chúng Sinh có đại ý hơi

đồng. Các thứ khác không phải toàn không, đều chẳng kịp ba chỗ. Ý kinh trong đây cũng chánh nói nghĩa Thông, nên bày nói Thông. Cho nên biết bốn nghĩa này dần dần ẩn mất không hiện. Ở trong tịch diệt mà thiên hiển Viên Biệt. Thế nên trong văn chỉ cho đại Niết-bàn. “Tam tạng ...” là đối luận kết bày. Ngài Kinh Khê nói: “Đây là nẻo thông, tức chỉ lấy chương này thành nghĩa ba ý, cho nên nói là nẻo thông. Cho nên văn trước sau phần nhiều đều gồm nói trung đạo. Cho nên trong đây nói cũng được tức là đẳng, tức giáo pháp thông sâu sắc. “ Nếu phá ...” là riêng căn cứ bốn môn Chiên-diên mà chê trách. Liệu giải, Hỏi Ngài Kinh Khê nói: “Chỉ duyên những thứ gồm trước. Thế nên hỏi đáp muốn khiến ý sáng tỏ. Ý hỏi: Vì hiển bốn vinh nên phải lấy vinh mà chê trách. Tuy dính mắc chữ nghĩa nên khổ... vẫn còn. Cho nên nói là khô. Chỉ là bốn khô hiển bày vinh ở đâu. Đáp: Nói tức khô là vinh. Ngài Kinh Khê nói: Đáp ý nói phá vụng vào khéo, vụng khéo tự khác. Hiển bày ý phá vụng tức nhập trung vậy. Mượn kết vụng này mà thành ý khô khéo tự thành vinh. Cho nên trước vào khéo, khi vào rồi thì thấy trung. Về nghĩa song du thì khô tức vinh vậy. Cho nên dẫn hai chim thì nghĩa đó khéo thành. Cho nên cư sĩ trách tức gọi là vinh. Khổ... mỗi mỗi đều nói nghĩa, cho nên có thể kết là chẳng phải khô chẳng phải vinh. Vì chữ nghĩa không gián đoạn chân trung cho nên lập nói bất sinh bất diệt, ngã và vô ngã không hai... hướng cửa thông này là nguyên thông diệu lý. Hai chim cùng dạo bay “song du). Chim là dụ cho phẩm mà nói: Một là Ca-lân-đê; hai là uyên ương, cùng bay đậu, không hề bỏ nhau. Người xưa có nhiều cách giải rõ như trong lời sớ. Nay Đại sư dùng con trống chỉ thường, con mái chỉ vô thường. Sinh tử có tánh thiện, cho nên vô thường tức thường, như hai chim đang đậu dưới thấp. Niết-bàn có tánh ác, nên thường tức vô thường như hai chim bay trên cao. Thế thì ở trên cao hay ở dưới thấp, cùng dạo bay hay cùng đậu nghỉ, thì nghĩa đều thành. Cho nên nay tuy kết khô, mà gọi khô tức vinh, vì hai chim không lia bỏ nhau. Trong pháp vô ngã có chân ngã, đây là chỉ văn Đại kinh nói ngài Ca-diếp khen Phật. Cũng phải lệ rằng trong vô thường có thường, trong khổ có vui, trong không có chẳng Không, tất cả đều là hai chim cùng dạo chơi, tức ý khô là vinh vậy.

“Tịnh Danh...” là nói ý bộ cũng ngầm kín. Ngài Kinh Khê nói: “Tịnh Danh kết chân... chính là nêu ý đáp, đầy đủ như vừa nói, chân tức là trung, tiếng song du “cùng dạo) tất là tương tức. Cho nên không sinh Không diệt, tuy kết vô thường mà không chuyên vô thường vì nghĩa vô thường vẫn thông. Cho nên cần phải chê trách Nhị thừa của Tam tạng,

khiến ở tòa này mà thành lợi ích sinh tô.

Tâm các Tỳ-kheo được giải thoát. Ngài Kinh Khê nói: Các Tỳ-kheo đó được lợi ích không do Phật mà do ngài Tịnh Danh được lợi Thông giáo. Nên biết duyên ở cả hai Thánh vậy, đầy đủ như trước nói. Được La-hán, trước nói chân ngã, lại nói thật tướng cho đến song du “cùng đạo), nay kết được La-hán là nghiệm trước tiến lên nói lý Biệt Viên. Nói công lực của giáo không phải chính là tướng chê trách. Tâm giải thoát là đều tuệ. Thoát là tuệ. Cuối cùng là kết thành không kham.

- Sai ngài A-na-luật:

Có hai: a, Phân khoa nêu ý. b, “Sát-lợi ...” là tùy văn giải nghĩa, Sai thăm bệnh. Sở hạ, tức như Niết-bàn huyền ký. Từ chối không kham, Phân khoa. Và tùy giải thích, Từ chối không kham. Nêu lý do không kham, Phân khoa. Và tùy giải thích, Phạm vương đến hỏi. Thống ngự đại thiên, thì Gia ngữ nói rằng: phạm pháp đức độ là vật để chăm dân cũng như người dạy ngựa phải có dây cương hàm thiết. Lại nói dạy bốn ngựa, phải giữ sáu dây cương. Ngự trị thiên hạ, chính là sáu quan. “Nay thần ...”, Thiên tử là người cai trị, bởi lấy nghĩa này vì Thiên tử (vua) ở ngôi vị tôn quý nhất, cai trị các phần dưới vậy. Nay Phạm vương thống lãnh tam thiên, cũng như chế trị bốn ngựa nên nói thống ngự. Báo được Thiên nhãn, ngài Kinh Khê nói: “cũng có sinh được quý thần... và phát được... Na-luật đáp, Chánh giải thích. Kinh nói: Trong tay có quả Amma-lặc. Triệu sư nói: Quả hình giống trái tân lang “quả cau) ăn vào trừ phong hàn. Lúc đó tay cầm quả này nên liền lấy làm dụ. Đại Bích-chi... ngài Kinh Khê nói: Hỏi Phật biết cả Phật mười phương chăng? Đáp: Cũng biết cũng không biết. Nếu chuẩn theo chỗ thấy một trăm Phật thì thế giới đâu thể Không có Phật. Lý phải hợp mà biết. Chỉ sợ chỗ thấy không biết có Phật. Lại cho biết, là chỉ biết một cõi chỉ có Phật giáo hóa, biết cũng nào có hại gì? Cho nên trong hai mươi bộ cũng có cho biết có Phật mười phương. Đây cũng là bậc thang Tiệm đại giáo.

Liệu giản, Dùng Phạm vương đối Thiên nhãn Tiểu thừa mà chọn lựa. Hỏi nếu thế đâu có gì khác, tức vừa nghe ức chế Tiểu thừa đồng với Phạm thiên. Nay hỏi nếu nói đồng thì sao lại phân làm Phạm Thánh có khác. Ngài Kinh Khê nói: Hỏi khác mà vấn nạn đồng. “Đáp ...” là năm thứ bốn thiên, tức là thiên căn bản và quán luyện huân tu. Ngài Kinh Khê nói: Đáp nêu ý khác một mực chỗ thấy xa gần tuy đồng nhưng lại báo... các nhân cũng không phải một. Văn có ba thứ khác: Một là báo và tu khác; hai là chung và riêng khác; ba là thông và minh khác như văn.

Lấy Phạm vương đối nhục nhãn người viên chọn ý hỏi: Sáu căn của tịnh nhân thì sáu thấy đại thiên sao khác Phạm vương. Ý đáp nhục nhãn của Pháp Hoa còn vượt bậc Tiểu Thánh hướng là Thiên nhãn Phạm vương. Mở mang, ngài Kinh Khê nói: “Nhục nhãn tuy thấy rộng là do ở Thiên nhãn. Đại phẩm... là nói nhục nhãn Đại thừa Không nhờ mở mang. Cho nên muốn đoạt Thiên nhãn trước phải luận cái khác của nhục nhãn. Đại tiểu đã riêng, nhân quả tự khác như sức kinh Pháp Hoa... là nương vào giáo khai hiển, quán lý bốn cụ, nhập vị tương tự. Công do giáo nên nói là sức kinh. Nên biết nương giáo tu hành, hạnh thành thì chứng lý. Đã được chứng tương tự. Công nhục nhãn gấp bội thì gọi là Phật nhãn. Còn tức Phật nhãn hưởng là thiên tuệ. “Dĩ kỳ ...” là giải thích nghĩa Đại kinh. Trước nói tuệ nhãn của Nhị thừa gọi là nhục nhãn, kế giải thích nhục nhãn của người viên gọi là Phật nhãn. Trong phần đầu nói có bằng có kém, tức đồng trừ bốn trụ, chỗ này là bằng. Nếu trừ phục vô minh tam tạng là kém. Chỗ chứng đã kém thì tuệ nhãn chỉ gọi là nhục nhãn. “Viên giáo ...” là ý kế. Cho đến... là kể cụ hoặc (phàm phu) đạt tánh nên gọi là Phật nhãn. Đây tức là bốn phẩm y của Đại kinh nói trước là y văn. Năm phẩm sáu căn vô minh đều ở đó cùng chiếu ba đức, cho nên nói là tri tạng. Trụ tiền có hai, tức đồng là y đầu.

Chánh kể việc bị chê trách, Phân khoa. “Thời duy ...” là chánh giải thích, Vấn nạn tột cùng, Song cùng. Mười trí là: Thế trí, tha tâm trí, bốn đế trí, pháp trí, tỷ trí, tận trí, vô sinh trí. Cùng vấn nạn, kinh nói: Giả sử tác tướng... ngài Kinh Khê nói: La-hán chứng diệt không phải có kiến, nên nói giả sử. Cùng ngoại đạo... cũng là lời ức chế. Có người làm công đức đầy đủ thì có ba minh, sao đồng kiến của ngoại đạo mà nói là... cho nên bắt bẻ khi xuất quán. Số nói: Tuy cho..., ngài Kinh Khê nói: Cho mà lại đoạt có khác tức cho, hữu vi tức đoạt. Chứng số duyên hết, bản dịch mới nói là trạch diệt là vô vi. Sức chọn lựa được diệt gọi là trạch diệt. Nghĩa là đoạn trí suy lường khiến diệt nên gọi là trạch diệt. Xưa nói: Số duyên, tức là trạch, đồng với hèn kém yếu đuối, chữ phải viết là đọc là sần. Thượng Thư nói: Phương cứu sần công, Khổng An Quốc nói: Chim cứu tụ hợp hiện điềm suy kém. Nhập quán..., ngài Kinh Khê nói: Nếu căn cứ Na-luật mất mắt xuất quán chỉ giống như người thế tục. Hư căn là không thấy. A-na-luật bị khuất phục. Phạm vương thỉnh hỏi, Phân khoa. Tùy giải thích, có ba: a', Khen chưa từng có. Cung kính đánh lễ. c', Chánh thỉnh hỏi.

Tiếp ngài Tịnh Danh đáp, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, Đáp có người có chân Thiên nhãn. Ngài Kinh Khê nói: Kinh có Phật

Thế Tôn... có người lấy chữ có “hữu) làm câu trên, chưa sâu là không thể được. Hà giả là hỏi ai, để hỏi người và có không. Cho nên lại lấy người mà đáp. Thế nên trong sớ chỉ đáp giải thích người. Không có hai biên đối trá, là luận công dụng của Phật nhãn. Thấy sắc... là, phải nói tức trung thấy sắc thô tế. Luận tướng chân Thiên nhãn, có hai: a, Chánh giải thích. Ngài Kinh Khê nói: Thường ở trong hang sâu thiền định, tức ba pháp tên khác mà nghĩa đồng. Cũng có thể nghĩa khác, mà thể Không khác. Không khác mà khác, lý thông nhân quả, sự dụng không phải nhân. Thủ-lăng-nghiêm ở nhân, Niết-bàn chỉ quả. Ba thứ sinh tử thêm tự thể mà thôi. Liệu giản, hiển bày thuộc viên giáo. Ngài Kinh Khê nói: Không phải thiên, không phải Viên, cũng có thể nói là thiên là viên, tức là Biệt giáo. Căn cứ địa trước sau mà phân thiên viên. Đối Phật nhãn mà luận tướng. Gọi Phật Thiên nhãn là muốn chọn bỏ thiên, nên thêm chữ Phật. Lẽ ra ví như bốn nhãn đều phải riêng rẽ như Phật mà phân biệt. Kim cang Bát-nhã, Phật trải năm nhãn để hỏi. Ngài Thiệt Cát đều đáp là có, đầy đủ như trước dẫn.

Phạm vương và quyến thuộc phát tâm, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, có hai: a', Chánh nói phát tâm. Chí kính mà đi. Cuối cùng kết thành không kham.

- Sai ngài Ưu-ba-ly:

Có hai: a, Phân khoa nêu ý. b, Tùy văn chánh giải thích, Sai thăm bệnh, Hóa tha cần nghĩ trì giới. Tu-đa-la, Hán dịch là Khế kinh. A-tỳ-đàm, Hán dịch là Vô tử pháp (pháp Không sánh), tức là Luận tạng. Chánh là nội quyến thuộc, cầm luật quảng chúng tức là hóa tha. Ngài Ba-ly giữ luật đâu phải chỉ tự chánh mình mà cũng làm chánh người khác. Tự hành cần nghĩ nhớ trì giới. Ngài Kinh Khê nói: Sáu là chỉ cho biệt hạnh trong một ngày. Nhiều ngày tiếp nối nhau đều do niệm. Từ chối không kham, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, Chánh từ chối không kham. Nói lý do không kham, Nêu ý phân khoa. Tùy văn giải nghĩa, Hai Tỳ-kheo phạm giới nghi hối. Kinh nói thành thật rất tử thẹn, ngài Đạo Sinh nói: Người phạm tội ắt có lo sợ, tội là nguồn phá hoại, không phải chỉ sợ nhân khổ, tức nó kết hợp với tử nhục mà phá. Kinh nói: Nguyên giải trừ nghi hối, ngài Kinh Khê nói: Nghi tội nặng nhẹ. Hối cái che kín tâm. Tội nghi hối đều có, thì tội do đâu mà diệt được. Lại từ bốn mà sám hối thì không ra ngoài vô sinh. Nay ngài Ba-ly không biết cơ lý, bèn dựa tiểu mà giải thích. Được khỏi lỗi này là mong trừ được tội nặng, tội nhẹ càng dễ hết nghĩ có thể được gặp Phật. Trong sớ, trước căn cứ nghĩa mà suy, kể thử dẫn kinh mà nói. Nếu phạm trọng

tội, phạm trọng tội Tiểu thừa gồm có bốn thứ. Vào như đầu lông gọi là dâm. Dời vật khỏi chỗ cũ gọi là trộm, đoạn đứt mạng căn gọi là giết, lời ý trái nhau gọi là vọng. Luật không có văn sám hối. Học Tiểu thừa sám hối xong thì chướng quả, nhưng vẫn thành trọng tội nếu chưa quên. Dựa vào đây mà luận thì trọng tội không thể sám hối. Nên nói không có văn sám hối. Hoặc trọng tội phương tiện. Luật Tứ phần nói: Khởi tâm nhưng không động thân khẩu, nhưng nghiêm khắc tự trách thì được trở lại tâm tốt, đó gọi là không phạm. Động thân khẩu rồi nhưng chưa đến trước cảnh gọi là kế phương tiện phạm Thâu-lan. Đã đến cảnh nhưng thân thể chưa đụng đến thì chỉ phạm chỗ đã đến gọi là cận phương tiện gọi là tội nặng Thâu-lan. Bạc Thượng thủ vì nói y luật mà phán xét, là nếu phạm tội căn bản thì cần phải học sám hối. Nếu phạm Phương tiện thì phải sám hối Thâu-lan. Nếu vốn vô tâm thì không kết tội. “Hoặc giáo ...” là hỏi tình thật người ấy nếu vốn có tâm (cố ý) thì cần phải sám hối. Chánh tội hay phương tiện đều cần phải họp chư Tăng. Nếu phạm trọng tội thì luật Tăng-kỳ nói: Nếu phạm giới rồi mà gào khóc, không muốn lia bỏ áo ca-sa, ham tin Phật pháp sâu xa thì khiến cho Yết-ma học sám hối. Sau đó mới đoạt ba mươi lăm việc... nếu phạm thâu lan, thì Thập tụng nói nếu thiên đầu sinh nặng, đây là cận phương tiện, nghĩa là có thêm thân khẩu nhưng chưa được thỏa thích thì phải ở trong tất cả Tăng mà sám hối. Nếu thiên đầu sinh nhẹ, thiên hai sinh nặng thì phải ở ngoài giới, trước bốn Tỳ-kheo mà sám hối. Nếu tăng tàn sinh nhẹ thì phải ở trước một Tỳ-kheo mà sám hối. Ấy là tập họp tăng có nội giới ngoại giới hai thứ khác nhau. Yết-ma phân ra tâm niệm, đối thú, chúng pháp ba loại khác nhau. Nay nói sám hối tội là dùng đối thú, chúng pháp. Nên ngài Kinh Khê nói: Tập họp tăng chỉ hai thứ yết-ma mà thông cả ba. Diệt cùng không diệt như đã thường luận. Ngài Ba-ly vì kẻ phạm giới kia như trên luật tướng mà nói. Cho nên nói vì họ đứng pháp mà giải nói. Thuật việc bị chê trách, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, Chánh kể việc Chê trách, Chánh chê trách: Không có tội thêm nặng, ngài Kinh Khê nói: “Thiên hai trở đi pháp tăng có thể trừ chưa hại chân tu, sao thành quấy nhiễu tâm phải là nghi nặng và phương tiện nặng. Nướng giáo làm pháp duyên đủ hỏi đũa. Nếu học sám hối chỉ thêm lo sợ, một đời vô dụng. Nghĩa cầu tâm quý kính mới khiến tội trừ. Di-lặc nghi tình gọi tội thêm nặng. Tội là do tưởng gây ra lời tóm tắt ý cao xa khéo cần được ý chỉ. Nhưng biết tội ấy tùy đó mà trị. Dẫu có người trị thì cũng chọn việc dễ chứ không trị việc khó. Cho nên khi quán cần phải thuốc và bệnh họp nhau, không thể một mực đều nói vô sinh. Cho

nên Đại sư Thiên Thai nói có sám tịnh trong tiểu giáo, khiến nương sự mà tội hết, không phải hiểu tiểu rồi mới dùng đại tông. Đầu trước phải đoạn dứt tâm tướng nối tiếp, không cần quán lý mà khiến tiếp tục làm, huống lại cần cuối cùng nghịch thuận mười tâm. Quán thành pháp thuận mới diệt được tội nặng. Song trong đây từ chối chỉ còn đại ý chỉ, khiến thành việc Tịnh Danh chê trách tướng tiểu. Muốn tập làm không thể luống công. Phải chuyên bốn thứ Tam-muội trong cảnh bất tư nghi, chín pháp giúp thành, xa gần phương tiện, giải hạnh song toàn. Thế nên cần y chỉ quán đại bộ. Đây là cầu phao tốt nhất của tất cả hành giả. Yết-ma, Hán dịch là biện sự, tức là thỏa thuận làm việc thành công. Khuyên diệt trừ, có hai: a, Nêu bày. b, “Trực trừ ...” là chánh giải thích, Giải thích tóm tắt. Tội từ tâm sinh, tức để quán tội tánh. Cho nên trong Đại luận nói: Đệ tử Hỷ Căn hỏi Thắng Ý rằng: Thưa đại đức! Pháp thâm dục là tướng gì? Đáp: Là tướng phiền não. Lại hỏi: Là trong hay ngoài? Đáp: Phiền não này không trong không ngoài. Nếu ở trong thì không phải đời duyên, nếu ở ngoài thì đối với ta có việc gì. Nếu như thế thì phiền não không phải trong không phải ngoài không phải ở mười phương, tìm không thể được, tức là chẳng sinh diệt, thế thì làm sao mà hay gây việc phiền não ư? Đây cũng là yếu thuật quán tánh tội. Nếu quán đến tướng tội tức Phổ Hiền quán nói: Tâm ta tự không, tội phước không chủ. Tiếp giải thích rộng, có hai: a, Nêu tên sám. b, Giải thích nghĩa sám, có hai: a, Nương môn luận chướng. Tỳ-ni dịch là luật, hoặc dịch là diệt, nghĩa như thường nói: Tội trái vô tác tức là tội trái luật pháp. Từ tác pháp mà thọ giới. Phát được cùng đi đôi với hình thể trái thì thành tội. Đây nương định môn, ngài Kinh Khê nói: Ý nói tìm tướng chuyên chú yên định mà không phải thiền định, giới và tuệ nhờ nhau thứ lớp mà nói, đầy đủ như trong Pháp Hoa Tam-muội đã luận. Căn bản là sinh tội. Chung về vọng tâm mà nói là nghiệp phiền não. Cho nên quán tướng tức là sự nhất tâm. Tuy nói giới... thật ra là căn cứ tuệ. Song trừ viên định ra thì vô phương diệt được trọng tội. Viên định tức tuệ nên như mặt trăng. Trái vô tác đầy đủ như trong Chỉ quán luận về nghiệp có nói rõ.

Chánh giải thích ba tướng, Tác pháp Đại luận... là chặt cổ giết súc vật đều phạm Đơn đề, nên nói là đồng thiên. Tác pháp sám, là chuẩn theo luật trước thỉnh một Tỳ-kheo thanh tịnh biết luật có thể giải tội, cùng ở chỗ vắng vẻ hoặc đầy đủ nghi thức đối trước tượng Phật, ba lần thưa thỉnh phân biệt tội danh ba thứ chủng tướng. Lại vì nói hai tướng phá trì, khiến sinh tâm lo sợ, sau đó mới sám hối. Căn bản Pháp từ nói: “Đại đức một lòng nghĩ nhớ, con nay là Tỳ-kheo tên... phạm tội chặt cổ

giết súc vật, phạm hai tội Ba- dật-đề, nay hưởng trước Đại đức xin phát lồ sám hối”. Đây tức là tác pháp sám hối. Vô tác diệt, tội trái luật dứt trừ thì khỏi khổ được hai ngàn năm. Nếu tánh tội còn thì lại đọa vào địa ngục, sau lại phải đền mạng. Vì người ngoài cho cỏ cây có mạng sống, nay thấy Sa-môn chém chặt, cho là không có từ bi, dứt tâm Như Lai, đời chê bai dị nghị nên mới chế giới luật. Nếu không phải loài hữu tình thì phạm tội vô tánh. Tác pháp phân động. Ngài Kinh Khê nói: Nêu vấn nạn từ dễ. Khiến rên tập vô sinh. Ý nói sám ba thiên sau, còn tự phân động, hưởng là sám hai thiên trước, đâu thể toại ý.

Quán tướng như các kinh Phương đẳng, là như Phương đẳng Đà-la-ni Không tạng... thấy tướng tội diệt, tức nghe xương tội diệt và thấy tay bắt ấn. Ngài Kinh Khê nói: “Trong giải thích về quán tướng y kinh mà tác pháp, nên không phải thiên định, hưởng nói là giữ tướng thì tâm động. Nghiệm thì biết không phải định vậy. Đây cũng là tâm quấy nhiễu. Đã không muốn khiến tu hai sám trước, do đó nêu ra đây. Vì đầu vật cơ cho đến đều quyết biết là không phải vô sinh mà tất cả là phân động. Vì sao? Tức một tuần, ba tuần, nhiều tuần hoặc chín mươi ngày, một năm; nhiều năm, hoặc nói cứ mãi làm như thế... các lệ, há không phân động ư? Ý lại gồm khuyên hai sám hối trước, tiến đến quán lý một thể để diệt hết, hưởng nêu văn trách mà không phải hai nghĩa trước. Thế nên quán tướng duyên tội tâm cảnh, đối cảnh diệt tội sinh nhiều tâm quý, không tiếc thân mạng đổi mới tâm đầu, cho nên biết người ấy lý quán toàn mê muội. Vô sinh, Chánh nói vô sinh. Khi quán này thành, ngài Kinh Khê nói. Chỉ tùy hỷ lúc đầu, trước mới rên tập quán đạo. Trước đã luông tuông, cho nên cần nghiêm khắc quán hành. Người tu ở đời mạt cần trị giữ tâm mình, nếu không phải hàng lợi căn sao lại từ chối quán tướng. Quán tướng diệt trọng tội thì vô sinh mới thành. Chớ dựa vào tâm không mà nói lý như thế, lời tương ứng không ở người khác. Khéo sửa trong lòng để đồng với các Thánh. Ngồi ngay niệm thật tướng tức ngồi là một trong bốn oai nghi. Niệm tức tên chung của ba quán, thật tướng là hiệu riêng của ba đế. Bởi dùng một tâm ba quán mà quán một tâm ba đế khắp dung các pháp, các tội đâu còn. Ngồi niệm đã thế thì ba oai nghi kia cũng vậy. Bốn nghi sáu tác đều là thật tướng. Đế quán còn một, tội phước nào phân. Thấu suốt tội trong không như mặt trời dẹp tan sương móc. “Không nhọc ...” là kết công bày lỗi. Đối sự liệu giản, Nêu sự mà hỏi. b, căn cứ người mà đáp. Y cứ người độn căn thì cần sự. Y cứ người lợi căn chỉ có lý, Chính nói lý sám. Ngài Kinh Khê nói: Môn vô sinh này sám ở ba đạo, một niệm diệt trừ, tiêu hết các

khổ đạo. Vì hết nên quên tội mới, bỏ nghiệp phiền não, vì đã hay diệt nên không tạo tội mới. Đã không tạo tội mới thì đâu quen tập cũ. Tên trong khoảng một sát-na nên gọi là mới. Không sám hối thì rơi vào lỗi quấy, tầm liên có tên. Thiết lễ sám hối thì tội diệt. Vì hết nên quên tội mới. Tội mới đã trừ hết sao lại có tội mới, bèn không từ bỏ tội mới nữa nên gọi là quên. “Cho nên đại...” là dẫn chứng phá chấp. Ngài Kinh Khê nói: “Cho nên sau đó Đại luận chỉ việc hối lỗi trước sau. Trước sau ở đây, tức cho tội nhất định là có, mà càng lo lắng tội nặng nhất định không mất. Do đó khởi tâm không thuận vô sinh. Phải diệt hết tâm lo rầu rồi sinh vô chủ mới gọi là tội tánh vốn tự không sinh. Tội còn không sinh há chấp chặt lo rầu hối lỗi. Bỏ hẳn việc mãi lo rầu hối lỗi và quên hẳn đi thì hiểu rõ tâm tự tánh vốn “không” sinh diệt. Như thế mà hối lỗi, gọi là thật không sinh lo rầu, cũng là tên khác của hối mà thôi. Cho nên tất cả đại giáo đều vì chúng sinh chỉ bày tướng diệt tội, như lễ hai mươi lăm Phật nghe tên Văn-thù... cùng nói có tội tức gọi là hủy báng Phật. Tán tâm còn thế, hướng lại vô sinh. “Lại nếu ...” là giải thích lại về tội tâm. Tội thể gần như quên, không chỉ do chấp. Người đời làm tội thường bảo tội không. Có thể do tâm này mà khiến tội tự diệt. Nếu như thế há không tăng thêm các kiến chấp ư? Nay nói không chấp là từ tâm hối lỗi mà nói. Nếu bày việc sám hối xong thì tin Phật nói là không tội, nếu còn chấp có tội thì ông trái lời Phật dạy. Cho nên biết quán tội vốn để diệt tâm. Nếu chấp tâm ngược lại thì tướng diệt liền trái.

“Nếu...” là hiển công năng của lý. Nếu luôn... Ngài Kinh Khê nói: “lại tâm diệt tông hiển, công sám hối đấm trước kiến lý, tức thấy lý vô sinh. Sự tánh... sự tức là trái với tội vô tác, tánh tức là tánh tội, căn bản tức là tội căn bản vọng hoặc. Ba tội này tức chỗ phá của ba sám trước. Cho nên ngài Kinh Khê nói: Sự tức sự sám, tánh tức quán tướng, căn bản tức là vô sinh sám. Tội tâm là tâm tức là tội căn bản. Tâm hay thấu đạt tức quên hẳn căn bản. Lại thấy lý, là tham... vô sinh. Đây là lấy lý mà phá tâm chấp. Cho nên tâm chấp này hay chướng chung ba thứ sám. Trong ba thứ sám thì vô sinh đứng đầu. Vô sinh sinh chấp tội còn không diệt, hướng là hai thứ trước mà sinh chấp ư? Giải thích, Chánh nói ba câu, căn cứ tâm cảnh mà giải. Ngài Kinh Khê nói: Tội tánh đó... bốn câu suy ra vốn suy ở cái chung đầy đủ như các văn trong Chỉ quán đã nói. Dựa theo căn cảnh thức mà giải. Ngài Kinh Khê nói: “Như mười tám giới... là căn trong trần ngoài và thức ở giữa. Mười tám giới này theo duyên mà sinh, còn không tự thật, hướng lại thường giữ gìn tội tâm ư? Dựa theo duy tâm mà giải, chánh nêu, đối trong ba giải thích thì giải

thích này rất cần yếu, sao cần trước nói căn cảnh mà không nêu sắc tâm. Sắc từ tâm tạo, toàn sắc là tâm. Cho nên chỉ quán tâm mà nhiếp tất cả. Bệnh nóng gặp được hang, chặt cây trừ gốc, dụ này có thể quán. Ngài Kinh Khê nói: “Quán tâm trước đối ngoại cảnh. Đây chỉ quán tâm tạo tội, do tâm không tạo tội, lúc đó còn phải quán chiếu, huống là tạo tội mà không quán ư? “ Cho nên khắp ...” là dẫn chứng. Ngài Kinh Khê nói: Dẫn Phổ Hiền quán, tâm tức tâm tội, pháp tức cảnh tội, tâm cảnh thành nghiệp, toàn là do tâm, thế nên còn khiến quán tâm. Làm những thứ như thế..., tức là sám hối như thế gọi là thể sám hối. Nghiêm tức là các pháp giúp thể. Sở hành sở nghiêm tức là thật tướng trung đạo. Không tội nghĩa là tội, vốn “không” phá hoại là tướng xả ly. Tâm thức tức tâm chấp là nhà phân biệt. Làm chí tâm này như nước chảy, là ý nói không trụ ở năng diệt sở diệt, tâm tướng thấy tội phước có không, niệm niệm không sinh. “Hai thứ trước...” là kết phán nêu ý. Ngài Kinh Khê nói: “Hai thứ trước đến tiểu sơ là trong vô sinh tự có ba giải thích: Giải thích lấy tâm cảnh đối nhau. “ Lại giải...” là lấy căn trần thức ba thứ đối nhau mà luận. Mà hai giải thích này đều là vô sinh đều diệt tội. Chỉ không cùng ăn khớp với lời Phật trong kinh, vì lời Phật chỉ khiến quán tâm. Cho nên nói vì tâm cấu chúng sinh cấu...

Tiếp, dẫn lời Phật làm chứng. Phá Ba-ly nghi chấp, nghi tội chấp tiểu. Trong Tiểu thừa chỉ có tác pháp. Nếu chuẩn theo Ưu-ba-ly làm chấp này, là còn trái tiểu giáo hướng là đại ư? Vì trong Tỳ-ni phạm tội đã hỏi tâm, há không phải tội từ tâm khởi. Chỉ Tiểu thừa kia che tướng không nói, chỉ tâm gọi là bất liễu nghĩa. Đây là nói như thế. Nếu nương vào đây mà phán xét..., là căn cứ luật hỏi tâm bày lỗi Ba-ly. Như Tỳ-ni Mẫu nói: Phạm ất nhờ cảnh liên hệ tâm thành nghiệp. Tâm có thêm chút cảnh vì có hơn kém. Hoặc tâm cảnh đều nặng, người làm người tướng giết, hoặc cảnh nặng tâm nhẹ, người làm không phải người tướng, hoặc cảnh nhẹ tâm nặng không phải người làm người tướng. Lại Thành luận nói bị trói chặt sâu dày, giết kiến có từ tâm nặng bằng giết người. Cho nên biết luật tiểu kết tội do tâm. Nên nay nói rằng nếu tâm cấu thì làm nhẹ hay nặng đều có tội. “Đại sĩ ...” ngài Kinh Khê nói: Ngài Tịnh Danh dẫn chánh giáo vô sinh của Phật trừ diệt để phá chấp tiểu. Nhưng vẫn không trái tiểu. Nếu tâm thấy có chúng sinh..., chúng sinh chỉ là chủ thể chấp tiểu. Cho nên kể có chấp gọi là bất tịnh, vì bất tịnh tức là có tội. Đây thì năng tri sở tri..., thì tâm là năng tri, tức tâm vô sinh, chúng sinh tội cấu tức là sở vậy. Hai tâm đầu đều không, thuộc bốn câu “chẳng” suy ra đều không thể được. Vì sao? Vì tâm vô sinh đã không phải bốn

câu. Tâm tội không sinh đâu thuộc vào bốn. “Thế thì...” là lấy tâm để so sánh tội. Do tâm có tội, nên tâm không thì tội không. Các pháp còn thế sao tội có được. Bất xuất...” là đầy đủ như ba Không Viên giáo của ngài Mục-liên. Cho nên văn sau dùng như huyễn... mà dụ.

Hạch hỏi Ba-ly, có hai: a, Phân khoa. b, Tỳ giải thích, Đại sĩ hỏi.

Ba-ly đáp. Đại sĩ xếp loại.

Nhập chân phần phán đoán dẹp trừ, Huyền kể phân khoa, Huyền kể ba giả, Nêu ba tên. Chọn thể tích, Chánh chọn. Ngài Kinh Khê nói: Giả tướng văn giả đủ ba, đều dùng huyễn... cũng nhập viên chân. Đã là thể pháp thì thường đến Viên trung. Vì thuộc Thông cho nên nói cũng vậy. Do đó nó đứng trước ba giả thích trên, hai giả thích sau cũng là Diển môn nhưng không bằng cái thứ ba chỉ quán tâm tánh. Cho nên hai giả thích trước phần nhiều đều nhờ Thông chân. Tích giả, là nghĩa ba giả đã ở Thành luận, tam tạng giáo há không, chỉ các tên A-hàm phần nhiều không sáng tỏ. Do đó ba giả thịnh hành ở đại giáo. Cho nên nói rộng ở Thành luận. Trong văn nói tích giả, không phải không có lý đó. Vì sao? Như nói nhân vô thường cho nên duyên cũng vô thường, niệm trước niệm sau đều sinh diệt, dài không trụ nên ngắn cũng không trụ. Đã đủ vô thường tức là phá thường điên đảo. Không giả dùng các tên tự tha... cho nên bốn câu mà suy thì chỉ ở diển giáo. Bèn khiến thành ở sinh tức vô sinh, cho nên dùng Diển môn để phá vụng của Tạng. Tùy tình, giả không phải tức lý, nên được tên tình. Lý tức là không, thuận không tùy lý. “Đây tức...” là kết bày. Phân khoa nêu ý, “Nhân ...” là tùy văn giải nghĩa, Riêng dụ ba giả, Thể nhân thành giả, Giải thích chung. Ngài Kinh Khê nói: Ba đảo ba ấm... tâm đảo là thọ ấm, tướng đảo là tướng ấm, kiến đảo là hành ấm, tâm vương là thức ấm. Bốn ấm là tâm đều nương vào sắc. Nay thuận chỗ dẫn đổi lời Phật, cho nên bỏ sắc giữ tâm, càng có dị đồng, đầy đủ như Chỉ Quán Ký đã dẫn văn Bà-sa. Tức là vô sinh... là không tâm nêu vô sinh trên. Cho nên ba giả này đều ước vào tội tâm và tội cảnh. Do đó ý văn này thông khắp các văn. “Duy ưu ...” là giải thích riêng. Ngài Kinh Khê nói: Ta thấy năm thứ... tức thân biên... bốn thứ đều nhân ngã sinh ra, năm và ba đảo đều nhân đó mà thành. Nên đều đối cảnh cho nên đều hợp nói là thọ. Lãnh nạp tùy xúc tướng nhận lấy hình tượng làm thể. Hành nhiếp nhiều tâm sở, trừ bất tương ứng hành và pháp vô vi đều có sở duyên. Cho nên mỗi mỗi trong văn đều thiếu sót suy câu, đến hai giả sau mới được đầy đủ.

